Chương 24

TÍN NGƯỠNG - TÔN GIÁO - LỄ HỘI

I. TÍN NGƯỠNG

- Tín ngưỡng dân gian ở Sóc Trăng của người Kinh và người Hoa có nhiều điểm tương đồng như tín ngưỡng thờ thần Thành Hoàng, Bà Chúa Xứ, Quan Thánh Đế Quân, Thiên Hậu Thánh Mẫu, Ông Bổn (Phước Đức Chính Thần), Bà Cậu, Diêu Trì Kim Mẫu, Địa Mẫu, Thủy Long Thánh Mẫu, Tề Thiên Đại Thánh, Bà Chúa Thượng...

1. Tín ngưỡng của người Kinh

Đến khai phá, cư trú lâu đời tại Sóc Trăng, khi môi trường thiên nhiên nơi đây còn hoang dã nên sẽ không khó hiểu nếu thấy tín ngưỡng của người Kinh tập trung vào các thần linh mà trong tâm thức của cư dân, đó là những vị thần liên quan đến việc độ trì đất đai, nơi mà cư dân sinh sống, canh tác. Người dân khẩn hoang luôn ước mong các vị thần đất tại chỗ sẽ cưu mang họ, cho họ được an cư lạc nghiệp nơi vùng đất còn hoang sơ, đầy bất trắc, hiểm nguy, loạn lạc. Chính vì khát vọng cuộc sống bình yên mà người Kinh di dân từ miền Trung vào Nam Bộ, trong đó có Sóc Trăng, đã đem mô thức thờ cúng Nữ thần cai quản đất đai mà họ ảnh hưởng của cư dân Chăm ở Trung Bộ vào thờ cúng tại vùng đất mới, cụ thể là Bà Chúa Xứ. Chúa Xứ Thánh Mẫu vốn là Nữ thần Pô Inư Nugar, mẹ xứ sở của người Chăm, sau đó người Kinh ở miền Trung ảnh hưởng và biến thành tín ngưỡng Thiên Y Ana, mẹ xứ sở của người Kinh. Khi vào đến Nam Bộ, Thánh Mẫu Thiên Y Ana biến đổi thành Chúa Tiên, Chúa Ngọc rồi đổi hẳn thành Bà Chúa Xứ. Đây là một trong những dạng tín ngưỡng thờ Mẫu và nữ thần có rất sớm của người Kinh khẩn hoang từ miền Trung đi vào Nam, trong đó có Sóc Trăng. Cùng một nguồn gốc với Thánh Mẫu Thiên Y Ana được ngư dân Nam Bộ thờ dưới dạng tín ngưỡng Bà - Cậu, với ý nghĩa Bà là mẹ, là Thiên Y Ana, còn Cậu là cậu Trài và cậu Quý, hai con trai của Bà. Cùng mô thức thờ Mẫu với Bà

Chúa Xứ còn có các nữ thần khác thể hiện dấu ấn tín ngưỡng về sự đối phó với thiên nhiên hoang dã thời bấy giờ như Thủy Long Thánh Mẫu (nữ thần cai quản vùng sông, biển), Bà Chúa Thượng Động (tức Thánh Anh La Sát, vị nữ thần ngự trị vùng hang động, có chức năng chế ngự cái ác, tai họa của thiên nhiên chốn núi rừng). Ngoài ra còn lớp tín ngưỡng thờ Mẫu cổ xưa mà cư dân Kinh ảnh hưởng từ văn hóa Trung Quốc lâu đời là thờ Đức Diêu Trì Kim Mẫu (nữ thần cõi vô cực, sinh ra lưỡng nghi âm dương) hoặc Đức Cửu Thiên Huyền Mẫu (mẹ của thế gian, dạy con người những nghề nghiệp mưu sinh). Theo thời gian, đặc biệt ở vùng thị tứ, Bà Chúa Xứ thờ nơi những ngôi miếu nhỏ dần dần mờ nhạt, trong khi đó, tại nông thôn, những vùng sâu vùng xa, tín ngưỡng Bà Chúa Xứ còn khá đậm đặc. Điều này thể hiện rõ tại Sóc Trăng, theo thống kê của Ban Tôn giáo tỉnh (Bảng 24.1), nếu như tại thành phố Sóc Trăng chỉ có 4 ngôi miếu thờ Bà Chúa Xứ thì ở huyện Cù Lao Dung tới 37 miếu (mật độ của miếu Bà Chúa Xứ rất dày đặc, như tại xã Đại Ân I, xã An Thạnh Nhì... mỗi xã có từ 8 đến 10 miếu), huyện Kế Sách 23 miếu, huyện Ngã Năm 18 miếu, huyện Thạnh Trị 16 miếu, huyện Mỹ Tú 15 miếu, huyện Vĩnh Châu 14 miếu... Riêng tín ngưỡng Địa Mẫu mới từ Hồng Kông du nhập vào Nam Bộ khoảng những năm 1960 (với biểu tượng người phụ nữ mặc áo dài đen, đứng trên quả địa cầu) cũng góp mặt trong hệ thống tín ngưỡng thờ Mẫu và nữ thần tại Sóc Trăng. Tất cả sắc thái tín ngưỡng nêu trên cho thấy người Kinh ở Sóc Trăng hầu như thờ cúng đầy đủ các vị nữ thần cổ xưa, đặc biệt là trong nghi thức thờ cúng Bà Chúa Xứ. Người Kinh ở Sóc Trăng cho tới nay vẫn còn giữ các hình thức múa bóng rỗi, múa mâm vàng truyền thống.

Một điểm đáng chú ý khác là tín ngưỡng thờ thần Thành Hoàng tại Sóc Trăng. Sóc Trăng có một số đình cổ như đình Mỹ Hội, xây dựng vào năm 1873. "Thành Hoàng Bổn Cảnh" thuộc tâm thức thần linh có chức năng bảo vệ che chở cho dân lành ở vùng đất tại chỗ, là biểu tượng thần quyền của vua chúa phong kiến hoặc chính quyền địa phương đương thời, do đó từng có thời kỳ đình có ý nghĩa hết sức thiêng liêng. Ngoài thần Thành Hoàng mang ý nghĩa tượng trưng nêu trên, tại Nam Bộ, những ai được đưa vào đình thờ tự thường là người có công với dân với nước. Như tại Sóc Trăng, hầu hết các đình trên toàn tỉnh đều thờ Nguyễn Trung Trực, cho dù nơi đây không phải là quê quán hay nơi hoạt động nghĩa quân của ông trong khởi nghĩa chống Pháp (ví dụ ở Kế Sách đình của 8/13 xã đều thờ Nguyễn Trung Trực).

Số lượng đình tại Sóc Trăng phân bố không đều, nếu tại thành phố Sóc Trăng chỉ có 1 ngôi đình thì tại huyện Long Phú có tới 15 đình, Mỹ Xuyên có 10 đình, Mỹ Tú và Vĩnh Châu đều có 8 đình, còn lại ở huyện Ngã Năm có 5 đình, Thạnh Trị và Cù Lao Dung mỗi nơi chỉ có 2 đình. Sự chênh lệch về cơ sở tín ngưỡng giữa thành phố và các huyện phần nào do đặc trưng về tình hình đa dân tộc, đa tôn giáo tại Sóc Trăng.

Lăng Ông Nam Hải tại Vĩnh Châu

Ảnh: Yến Tuyết

Người Kinh làm nghề biển ở Sóc Trăng còn có tín ngưỡng thờ cá Ông ở lăng Ông Nam Hải và những miếu nhỏ thờ Thủy Long Thánh Mẫu ở Long Phú, Vĩnh Châu, thể hiện sắc thái văn hóa biển. Vía Bà Thủy Long vào mùng 5 tháng 5 âm lịch, ghe của ngư dân dự lễ thỉnh Bà đậu kín cả cửa biển. Theo phong tục, trước khi ra khơi, ngư dân vào miếu vái Bà - Cậu (tín ngưỡng xưa của Thiên Y Ana Diễn Ngọc Phi) và hai con là cậu Trài và cậu Quý. Còn trước khi khi đóng đáy ở biển người ta cúng cô hồn ngày 16 tháng 2 âm lịch.

Bảng 24.1 Cơ sở tính ngưỡng của người Kinh ở Sóc Trăng

STT	Thành phố / Huyện	Tên cơ sở tín ngưỡng	Số cơ sở tín ngưỡng	Đối tượng thờ cúng	Chú thích
1	Thành phố Sóc Trăng	Miếu Bà Chúa Xứ	4	Bà Chúa Xứ	
		Miếu Bà Hỏa	1	Bà Hỏa	
		Miếu Bà - Cậu	1	Bà Thiên Y Ana + 2 Cậu	
		Miếu Kim hoàn	1	Tổ nghề kim hoàn	
		Đình	1	Thần Thành Hoàng Bổn Cảnh	
		Miếu Trung Thiên (Miếu Thầy Ba)	1	----------	Chưa rõ

2	**Mỹ Tú**	Miếu Bà Chúa Xứ	15	Bà Chúa Xứ	
		Miếu Diêu Trì	1	Bà Diêu Trì	
		Miếu Bà Chúa Thiện	1	Bà Chúa Thiện	Có lẽ là Bà Chúa Thượng Động?
		Đình	8	Thần Hoàng Bổn Cảnh	
3	**Mỹ Xuyên**	Miếu Bà Chúa Xứ	12	Bà Chúa Xứ	
		Miếu Bà Cửu Phẩm	1	Bà Cửu Thiên Huyền Nữ	
		Miếu Bờ Tre (Am Địa Mẫu)	1	Địa Mẫu	
		Miếu Diêu Trì Hoàng Mẫu	1	Bà Diêu Trì Kim Mẫu	
		Miếu Thủy Long	2	Thủy Long Thánh Mẫu	
		Đình	10	Thần Thành Hoàng Bổn Cảnh/ Nguyễn Trung Trực	
4	**Long Phú**	Đình	15	Thần Thành Hoàng Bổn Cảnh/ Nguyễn Trung Trực/ Huỳnh Công Lý...	
		Lăng Ông Nam Hải	1	Cá voi	
		Miếu Bà Chúa Xứ	3	Bà Chúa Xứ	
		Miếu Thủy Long	2	Thủy Long Thánh Mẫu	
5	**Cù Lao Dung**	Miếu Bà Chúa Xứ	37	Bà Chúa Xứ	
		Đình	2	Thần Thành Hoàng Bổn Cảnh/ Nguyễn Trung Trực	
6	**Thạnh Trị**	Miếu Bà Chúa Xứ	16	Bà Chúa Xứ	
		Đình	8	Thần Thành Hoàng Bổn Cảnh/ Nguyễn Trung Trực	
		Miếu Bà Thượng Động	1	Bà Thánh Anh La Sát	
		Miếu Ông Thần Gốc	1	----------	Chưa rõ
		Miếu Thông Thiên	1	----------	Chưa rõ
7	**Ngã Năm**	Miếu Bà Chúa Xứ	18	Bà Chúa Xứ	
		Đình	5	Thần Thành Hoàng Bổn Cảnh/ Nguyễn Trung Trực	
		Miếu Bà Chúa Thượng	1	Bà Thánh Anh La Sát	
		Miếu Địa Mẫu	1	Địa Mẫu/ Thích Ca/ Địa Tạng/ Di Lặc	
		Miếu Ông Cờ Nền Kho	1	----------	Chưa rõ
		Am Thần Gia Tư	1	----------	Chưa rõ
8	**Kế Sách**	Đình	20	Thần Thành Hoàng Bổn Cảnh/ Nguyễn Trung Trực/ Lạc Long Quân - Âu Cơ/ TT Thuyết	
		Miếu Bà Chúa Xứ	23	Bà Chúa Xứ	

9	**Vĩnh Châu**	Miếu Bà Chúa Xứ	14	Bà Chúa Xứ	
		Đình	8	Thần Thành Hoàng Bổn Cảnh/ Nguyễn Trung Trực	
		Lăng Ông Mỹ Thanh	1	Cá voi	
		Miếu Huyền Nữ Nương Nương	1	Bà Cửu Thiên Huyền Nữ	
		Miếu Thần Nông	2	Thần Nông	
		Miếu Ngũ Long Thành	1	----------	Chưa rõ
Tổng Cộng:		***Miếu Bà Chúa Xứ***	***141***		
		Đình thần	***77***		
		Lăng Ông Nam Hải	***2***		
		Miếu Thủy Long	***4***		
		Miếu các vị thần khác	***18***		
			242		

Nguồn: Ban Tôn giáo tỉnh Sóc Trăng, 31-12-2009.

Tổng hợp: Phan Thị Yến Tuyết

2. Tín ngưỡng của người Hoa

Cộng đồng người Hoa tại Sóc Trăng nói riêng và Nam Bộ nói chung có đời sống tâm linh đa thần giáo. Trong hệ thống hàng trăm nam thần và nữ thần của họ có 3 thần linh được cả 5 nhóm cộng đồng người Hoa thờ tự chính yếu và phổ biến nhất, đó là Phước Đức Chính Thần, Quan Thánh Đế Quân, Cảm Thiên Đại Đế và Thiên Hậu Thánh Mẫu. Thông thường ba vị thần này được thờ tự ở vị trí chính trong các miếu người Hoa, nếu miếu thờ Phước Đức Chính Thần ở vị trí chính thì bên tả tuần tự Quan Thánh Đế Quân, bên hữu thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu, hoặc ngược lại, nếu miếu thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu là chính thì tuần tự Quan Thánh Đế Quân và Phước Đức Chính Thần. Tuy nhiên tùy theo niềm tin của các cộng đồng người Hoa tại các địa phương xã ấp khác nhau ở Sóc Trăng mà những vị thần linh khác được giữ vị trí thờ chính, mặc dù vậy, khi lập ban thờ để phối tự hai bên bàn thờ chính, người Hoa hầu hết cũng đều chọn trong số 3 vị thần vừa nêu.

Qua bảng tổng hợp từ thống kê của Ban Tôn giáo tỉnh Sóc Trăng, vị thần được người Hoa ở Sóc Trăng thờ nhiều nhất là Phước Đức Chính Thần, được thờ trong 46 ngôi miếu. Có những huyện như Mỹ Xuyên có tới 9 miếu Phước Đức Chính Thần, hoặc huyện Vĩnh Châu có 7 miếu…

- Phước Đức Chính Thần là vị thần ban phước đức, tài lộc, đồng nhất với Thần Tài, được thờ dưới hình tượng một ông cụ tay cầm những nén vàng

Tây Trước Cổ miếu

Ảnh: Yến Tuyết

để ban phát cho người dân. Ý nghĩa sâu sắc hơn của tín ngưỡng Phước Đức Chính Thần ở Nam Bộ còn là vị thần bảo hộ xã thôn, bảo hộ cả vùng đất mà người dân địa phương sinh sống, đem lại sự an cư lạc nghiệp cho cư dân, vì vậy người Hoa cũng như người Kinh còn gọi Phước Đức Chính Thần là "Đại Bá Công" hay "Ông Bổn", có ý nghĩa như là thần "Thành Hoàng Bổn Cảnh" trong đình của người Kinh. Ông Bổn có nghĩa là "Ông Tổ", "Bổn" có nghĩa là gốc, là một biểu tượng, không phải là một nhân vật cụ thể hoặc được dân gian gửi gắm niềm tin vào những nhân vật khác nhau, như Cảm Thiên Đại Đế, Trịnh Hòa, Triệu Tử Vương, Tam Sơn Vương… Tại Sóc Trăng, khu vực trung tâm huyện chợ Châu Thành, làng Khánh Hưng, chợ Bãi Xàu ở làng Mỹ Xuyên (huyện Mỹ Xuyên), chợ Bố Thảo (Mỹ Tú) và chợ Đại Ngãi (Vàm Tấn) là bốn chợ xưa nhất trong tỉnh, được người dân Sóc Trăng ca ngợi là "thị tứ đệ nhất hạng"[1] với địa thế giàu tiềm năng kinh tế, đã được người Hoa thời xưa xây dựng các miếu Ông Bổn với tổng thể kiến trúc theo hình chữ "Phú", tượng trưng cho sự ấm no, phú quý theo quan niệm của người Hoa[2].

Tựu trung, tín ngưỡng Phước Đức Chính Thần thể hiện khát vọng của người Hoa di dân về một cuộc sống ấm no, yên ổn, trù phú nơi vùng đất mới.

1. Các khu chợ này có từ năm 1904 theo Nghị định ngày 15-10-1904 của Thống đốc Nam Kỳ.

2. Mô hình cấu trúc và trang trí của miếu Ông Bổn, thành phố Sóc Trăng được người Hoa ở Rạch Giá (Kiên Giang) ngưỡng mộ đến đỗi họ mời các nghệ nhân ở Sóc Trăng thực hiện thiết kế giúp cho họ một ngôi miếu Ông Bổn ở Rạch Giá giống y như miếu Ông Bổn này tại Sóc Trăng.

Phước Đức Cổ miếu, thị trấn Phú Lộc, Thạnh Trị

Ảnh: Yến Tuyết

Thiên Hậu Cổ miếu, huyện Mỹ Tú

Ảnh: Yến Tuyết

- Quan Thánh Đế Quân là vị thần được người Hoa lẫn người Kinh thờ phổ biến tại Nam Bộ. Ông vốn là một nhân vật lịch sử thời Tam Quốc ở Trung Quốc, là biểu tượng của sự trung nghĩa, nhân ái, cương trực, mưu lược, tiết liệt, tức là các đức tính của người quân tử, đến đỗi ông đã được người đời đề cao tuyệt đối là "Thiên cổ nhất nhân". Trong gia đình, người ta thờ Quan Công là Thần hộ mệnh cho nam giới, còn đối với cộng đồng, Quan Công là thần bảo vệ vùng cư trú, kiêm cả chức năng là Thần Tài, thần trừ tà ma. Xã hội, thiên nhiên Nam Bộ thời khẩn hoang, chiến tranh trước đây làm cho cuộc sống bất trắc, nhiều tai ương, bệnh tật, chết chóc, nên người Hoa lại càng tin thờ Quan Công vì tin vào sức mạnh chính khí của ông sẽ bảo vệ chùa chiền, đền miếu và vùng đất cư trú…

- Thiên Hậu Thánh Mẫu cũng được người Hoa ở Sóc Trăng thờ khá nhiều với 23 ngôi miếu ở vị trí thờ chính, không tính con số tuần tự Bà (nghĩa là không theo thứ tự) trong những ngôi miếu khác. Người Hoa Sóc Trăng thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu vì trước kia, khi di dân đến Nam Bộ, họ chủ yếu phải đi bằng đường biển. Do đi trên biển có nhiều tai ương, bất trắc, hiểm nguy nên tâm lý của người Hoa thờ các vị Thần biển rất đậm nét, tiêu biểu nhất là thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu vì bà là một vị nữ thần biển. Người Hoa còn gọi bà là Thiên Phi, Đại Mẫu, A Phò (mẹ nuôi), Mã Tổ, A Bà (bà nuôi), bà Mã Châu… Cho tới nay, tín ngưỡng Thiên Hậu Thánh Mẫu không dừng lại ở chức năng nữ thần biển mà trở thành vị nữ thần có chức năng toàn diện như giúp dân thoát khỏi hạn hán, dịch bệnh, trừ tà ma, giúp cầu tự, độ mệnh cho phụ nữ, cầu bình an gia đạo, làm ăn buôn bán phát đạt.

Ngoài 3 vị thần chính nêu trên, tại các miếu của người Hoa ở Sóc Trăng còn thờ Huyền Thiên Thượng Đế, Ông Bắc Đế, Quảng Trạch Tôn Vương, Tam Sơn Vương, Tề Thiên Đại Thánh….

- Huyền Thiên Thượng Đế hay Bắc Đế (hoặc Trấn Vũ) là vị thần giải trừ tà ma, yêu quái. Hai vị thần này chỉ là một nhưng người Hoa ở Nam Bộ lại quan niệm đó là hai vị thần khác nhau. Do người Hoa di dân đến Nam Bộ trong giai đoạn hoang sơ, đang khẩn hoang, y học còn vắng bóng nên dịch bệnh tràn lan, tác hại sinh mệnh nhiều người, vì vậy hệ thống tín ngưỡng, tôn giáo của người Hoa ngay từ đầu thời di dân đã in đậm dấu ấn trừ tà ma. Một thuyết khác cho rằng Huyền Thiên Thượng Đế là một phân thân của Ngọc Hoàng Thượng Đế. Miếu của người Hoa ở Sóc Trăng cũng thờ Bắc Đế, nhưng ít thông tin cho biết đó cũng chính là Huyền Thiên Thượng Đế[1].

- Còn ba vị Tam Sơn Vương quê ở phủ Triều Châu, tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc) kết nghĩa anh em với nhau. Nhờ công cứu giá Tề Vương khi vua đi du tuần bị lâm nạn nên cả ba ông đều được vua phong cho tước "vương" ở vùng núi Tam Sơn. Ba ông tiếp tục tu hành, làm nhiều điều thiện, cứu giúp

1. Lâm Tâm: *Người Hoa An Giang,* Chi hội Văn nghệ dân gian An Giang - Hội Văn nghệ Châu Đốc, 1994, tr. 92.

Bảng 24.2: Tín ngưỡng của người Hoa trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

	Thành phố/ Huyện	Tên cơ sở tín ngưỡng	Số cơ sở tín ngưỡng	Đối tượng thờ cúng	Chú thích
1	Thành phố Sóc Trăng	Miếu Ông Bổn/ Phước Đức	5	Phước Đức Chính Thần	
		Miếu Quan Thánh Đế Quân	1	Quan Công - Quang Bình-Châu Xương	
		Miếu Ông Bắc Đế	1	Huyền Thiên Thượng Đế	
		Miếu Ông Tề	1	Tề Thiên Đại Thánh	
		Tích Thiện Đường	1	ĐịaTạng Vương Bồ Tát	Miếu
		Đình Năm Ông	1		
2	Mỹ Tú	Miếu Ông Bổn/ Phước Đức Tây Trước Cổ miếu	5	Phước Đức Chính Thần	
		Miếu Bà Thiên Hậu	2	Thiên Hậu Thánh Mẫu	
		Miếu Quan Thánh Đế Quân	1	Quan Công, Quan Bình, Châu Xương	
3	Mỹ Xuyên	Miếu Ông Bổn	9	Phước Đức Chính Thần	
		Miếu Bà Thiên Hậu	7	Thiên Hậu Thánh Mẫu	
		Miếu Quan Thánh Đế Quân	4	Quan Công, Quan Bình, Châu Xương	
		Phi Động điện	1	Quảng Trạch Tôn Vương	
		Bắc Đế cổ miếu	1	Ông Bắc Đế	
4	Long Phú	Miếu Ông Bổn	11	Phước Đức Chính Thần	
		Miếu Bà Thiên Hậu	3	Thiên Hậu Thánh Mẫu	
		Miếu Bắc Đế	1	Ông Bắc Đế	
		Miếu Đức Quan Công	1	Quan Thánh Đế Quân	
		Đình Năm Ông	1		
5	Cù Lao Dung	Miếu Bà Thiên Hậu	2	Thiên Hậu Thánh Mẫu	
6	Thạnh Trị	Miếu Ông Bổn	5	Phước Đức Chính Thần	
		Miếu Ông Tề	1	Tề Thiên Đại Thánh	
		Miếu Tam Sơn	1	Bắc Đế, Bà Thiên Hậu	
7	Ngã Năm	Miếu Bà Thiên Hậu	1	Thiên Hậu Thánh Mẫu	
8	Kế Sách	Miếu Ông Bổn/ Hội quán Chấn Hưng	4	Phước Đức Chính Thần/ Cửu Thiện Đại Đế	
		Miếu Bà Mã Châu	1	Thiên Hậu Thánh Mẫu	
		Miếu Quan Thánh	2	Quan Thánh Đế Quân	
9	Vĩnh Châu	Miếu Ông Bổn	7	Phước Đức Chính Thần	
		Thiên Hậu Cổ miếu/ Hải ngư ngoài biển	7	Thiên Hậu Thánh Mẫu	
		Phước Hưng Cổ miếu Thượng Đế Cổ miếu	2	Huyền Thiên Thượng Đế	
		Miếu Tam Sơn Miếu Đế Đức Quan Vận	4		
		Miếu Quan Thánh	1	Quan Thánh Đế Quân	

Tổng cộng	*Miếu Ông Bổn*	*46*		
	Miếu Bà Thiên Hậu	*23*		
	Miếu Quan Thánh Đế Quân	*10*		
	Miếu Ông Bắc Đế	*4*		
	Miếu khác	*5*		
		88		

Nguồn: Ban Tôn giáo tỉnh Sóc Trăng, 3-12-2009.

Tổng hợp: Phan Thị Yến Tuyết

nhân dân. Một truyền thuyết khác cho rằng Tam Sơn Vương là ba vị thần núi: Minh Sơn, Cân Sơn và Độc Sơn tại huyện Kiệt Dương tỉnh Quảng Đông, nhờ hiện ra cứu giá khi vua Tống bị giặc đuổi chạy ngang qua nên ba ông được vua phong tước "vương". Thực chất Tam Sơn Vương cũng có ý nghĩa như Phước Đức Chính Thần, bảo vệ che chở cho cư dân và phù hộ cho họ được cuộc sống ấm no.

- Quảng Trạch Tôn Vương đậu Võ trạng nguyên, là phò mã triều Bắc Tống (năm 960), vì vậy ông còn có danh hiệu là phò mã Phổ Quang. Khi đất nước có thảo khấu, ông thân chinh đi dẹp giặc để "an dân bảo quốc". Cư dân đồng suy tôn ông lên bậc Thánh vương, lập miễu thờ. Khi người Hoa di dân đến Nam Bộ, do ban đầu vùng đất này còn hoang sơ, họ lập miếu thờ ông để mong việc sinh sống an lành, tránh được tà ma.

Đặc biệt ở Sóc Trăng có những ngôi đình của người Kinh nhưng thờ Quan Thánh Đế Quân, như "Đình Năm Ông", tức đình Khánh Hưng (phường 8, thành phố Sóc Trăng). Sở dĩ gọi là "Đình Năm Ông" vì ngoài mô thức 3 ông Quan Thánh Đế Quân, Quan Bình, Châu Xương, người dân địa phương thờ thêm hai vị quan người Kinh là Chánh lãnh binh Trần Văn Hòa và Phó quan Võ Đình Sâm là hai võ tướng đời Tự Đức (1847 - 1883) đã có công bảo vệ dân làng, bảo vệ đất nước chống phiến loạn ở vùng Bãi Xàu... Về sau người Hoa tại chỗ can thiệp xin phối tự thêm Ông Bổn, ông Bắc Đế, rồi khi góp tài sản để sửa chữa trùng tu ngôi đình, người Hoa đã đưa thêm tượng hai vị thần người Hoa là Linh Quan Thiên Tôn, Trương Thiên Tiên vào thờ tự. Ngôi đình trở thành cơ sở tín ngưỡng pha trộn sắc thái văn hóa của các cộng đồng cư dân địa phương.

3. Tín ngưỡng của người Khmer

Người Khmer Sóc Trăng cho tới nay vẫn còn lưu giữ lớp tín ngưỡng truyền thống cổ xưa, trước khi du nhập Bàlamôn giáo và Phật giáo, đó là tín ngưỡng Neak Tà, một dạng thờ đá xa xưa của các cư dân Đông Nam Á.

Tín ngưỡng Neak Tà thực chất là một dạng thờ cúng Thổ thần của cộng đồng. Trong tâm thức đó, người Khmer mong được thần linh che chở, ban cho

Một ngôi miếu Neak Tà của người Khmer ở Sóc Trăng

Ảnh: Yến Tuyết

mọi thành viên trong cộng đồng sự ấm no, bình yên. Như "Ba Thắc cổ miếu" tại Sóc Trăng có nguồn gốc là một ngôi miếu thờ Neak Tà Bassac.

Tóm lại qua hệ thống tín ngưỡng của các dân tộc tại Sóc Trăng cho thấy chính sự hòa trộn nhiều sắc thái tín ngưỡng cổ xưa đã thể hiện sự đa dạng phong phú đời sống tâm linh của người Kinh, người Khmer, người Hoa. Hệ thống Trời, Phật, Thần, Thánh của các dân tộc cùng cộng cư đã tạo thành một khối liên kết đa chiều, mà các cộng đồng các dân tộc ở Sóc Trăng nói riêng và Nam Bộ nói chung có được một chỗ dựa lớn về tinh thần nhằm đối phó với môi trường thiên nhiên đầy hiểm nguy, bất trắc và môi trường xã hội ban đầu còn xa lạ.

II. TÔN GIÁO

Các tôn giáo ở Sóc Trăng có Phật giáo (gồm cả ba hệ phái Bắc Truyền, Nam Truyền và Khất Sĩ), Công giáo, Tin Lành, đạo Ba Ha'i, Cao Đài (Tây Ninh, Tiên Thiên, Ban Chỉnh Đạo, Minh Chơn Lý, Thượng Đế), Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Phật giáo Hòa Hảo, Tịnh Độ Cư sĩ...

1. Phật giáo

Phật giáo tại Sóc Trăng gồm đủ 3 hệ phái: Bắc truyền, Nam truyền và Khất sĩ. Tín đồ của hệ phái Bắc truyền và Khất sĩ chủ yếu là người Kinh, một số không nhiều người Hoa cũng theo Phật giáo Bắc truyền, nhưng phần lớn người Hoa là tín đồ của tôn giáo tín ngưỡng đa thần truyền thống. Còn Phật giáo Nam truyền (Phật giáo nguyên thủy) nói chung ở Nam Bộ có tín đồ là người

Bảng 24.3: Phật giáo Bắc truyền tại Sóc Trăng

STT	Thành phố/ Huyện	Số chùa	Số tăng, ni	Số tín đồ (người)
1	Thành phố Sóc Trăng	22	66	26.716
2	Châu Thành	05	12	6.504
3	Mỹ Xuyên	04	30	12.599
4	Mỹ Tú	05	05	2.887
5	Thạnh Trị	02	01	3.494
6	Long Phú	09	14	10.529
7	Vĩnh Châu	07	20	9.368
8	Kế Sách	18	45	22.685
9	Cù Lao Dung	04	07	950
10	Ngã Năm	11	12	7.382
	Tổng cộng	***87***	***212***	***103.114***

Nguồn: Ban Tôn giáo tỉnh Sóc Trăng, 31-12-2009

Tổng hợp: Phan Thị Yến Tuyết

Kinh, nhưng tại Sóc Trăng không có chùa Phật giáo Nam truyền riêng của người Kinh, mà chỉ có chùa Phật giáo Nam truyền của người Khmer (Theravada).

Hệ phái Phật giáo Bắc truyền

Hệ phái Phật giáo Bắc truyền ở Sóc Trăng chủ yếu là người Kinh và một bộ phận người Hoa. Tín đồ ban đầu của hệ phái này tại Sóc Trăng nói riêng và Nam Bộ nói chung chủ yếu là lưu dân người Kinh từ Đàng Trong vào Nam Bộ khẩn hoang, trong đó có các vị thiền sư của Phật giáo Bắc truyền ngay từ đầu đã đồng hành, chia sẻ với người dân khẩn hoang những khó khăn, bất trắc, tai ương tại vùng đất còn hoang dã như Nam Bộ cách nay hơn 300 năm.

Theo số liệu thống kê của Ban Tôn giáo tỉnh Sóc Trăng thì toàn tỉnh Sóc Trăng có 87 ngôi chùa Phật giáo Bắc truyền, 212 vị tăng, ni và 103.144 Phật tử, phân bố theo thành phố và các huyện trong tỉnh (xem Bảng 24.3).

Phật giáo Bắc truyền có dấu ấn khá sâu sắc trong đời sống tinh thần của cư dân Sóc Trăng. Qua lịch sử thành lập các chùa có thể thấy ở Sóc Trăng tồn tại khá nhiều chùa cổ, niên đại tương ứng với quá trình lưu dân đến khẩn hoang tại vùng đất này. Ngôi chùa Bắc truyền xưa nhất ở Sóc Trăng có lẽ là chùa Phước Trường An ở ấp Trà Teo, xã Hòa Đông, huyện Vĩnh Châu, tương truyền nguồn gốc là chùa Khmer, xây dựng lần đầu vào khoảng cuối thế kỷ XVIII.

Hầu hết chùa Bắc truyền cổ xưa ở Sóc Trăng thành lập vào nửa cuối thế kỷ XIX, có lẽ lúc đó đời sống của người Kinh đã khá hơn, công cuộc lập làng cũng tương đối ổn định, như chùa

Quan Âm (ấp II, xã Đại Ngãi, huyện Long Phú) do cụ Tổ chùa Sắc Tứ Quan Âm ở Cà Mau khai sơn năm 1860; chùa Khánh Sơn (phường 6, thành phố Sóc Trăng) do Hòa thượng Thích Chơn Phước thành lập năm 1860; chùa Khánh An (ấp An Lợi, xã An Lạc Tây, huyện Kế Sách) do Hòa thượng Thích Huệ Lâm thành lập năm 1864; chùa Mỹ Phước (ấp Mỹ Tân, Nhơn Mỹ, huyện Kế Sách) thành lập năm 1871; chùa Phước Hòa (Châu Thành, thị trấn Mỹ Xuyên) thành lập năm 1875. Số chùa cổ khác chủ yếu lập từ thập niên 80 của thế kỷ XIX, như các chùa: chùa Chánh Thiên Cơ (Hòa An, Xuân Hòa, Kế Sách) thành lập năm 1880; chùa Thiên Phước (Mỹ Tân, Kế Sách) thành lập năm 1880; chùa Bửu Linh (Dương Kiển, Hòa Tú 2, Mỹ Xuyên) thành lập năm 1881... Ngoài ra không ít chùa thành lập vào đầu thế kỷ XX cũng có thể được xếp vào loại chùa cổ (vì tính tới nay đã khoảng 100 năm).

Một số chùa Phật giáo Bắc truyền thuộc loại danh thắng, cổ xưa, nổi tiếng như:

- *Quan Âm Cổ Tự*[1]

Chùa tọa lạc tại ấp Ngãi Hội 2, xã Đại Ngãi, huyện Long Phú. Từ nửa cuối thế kỷ XIX, làng Đại Ngãi là trụ sở hành chính của huyện lỵ Vĩnh Định, thuộc tổng Định Chí, tỉnh Sóc Trăng, đây là một thị tứ rất quan trọng và là một trong ba điểm thương mại lớn của tỉnh Sóc Trăng thời đó: Bãi Xàu, Khánh Hưng và Đại Ngãi. Đại Ngãi ở hữu ngạn sông Bassac, đối diện với Cù Lao Dung, tạo thành cửa rạch Ba Xuyên. Chùa Quan Âm của người Kinh được thành lập vào khoảng năm 1860, do một nhà sư là cụ tổ chùa Sắc Tứ Quan Âm ở Cà Mau sáng lập và đặt hiệu là Quan Âm Cổ Tự. Từ khi được khởi dựng cho đến nay chùa đã qua 3 lần trùng tu vào các năm 1926, 1968 và 2000. Chùa Quan Âm đã qua 5 đời sư trụ trì từ năm 1860 đến nay. Theo các cụ già tại địa phương kể, trong khoảng năm 1860 - 1872, một đạo sĩ đến Đại Ngãi tổ chức hoạt động "Kèo xanh, Kèo vàng", một tổ chức hoạt động chống thực dân Pháp liên quan đến "Hội kín" (Thiên địa hội) để tập hợp những người Kinh Nam yêu nước ở Vàm Thủ, thuộc địa phận xã Đại Ngãi, huyện Long Phú ngày nay. Đạo sĩ được đông đảo Phật tử ủng hộ và tín nhiệm, cung thỉnh ông lập chùa. Đến đời hòa thượng Thích Hoằng Đức trụ trì, chùa Quan Âm đã tích cực tham gia chăm sóc tù nhân chính trị từ Côn Đảo về đất liền vào tháng 9-1945[2]. Không chỉ là di tích lịch sử, chùa Quan Âm còn là một công trình kiến trúc nghệ thuật Phật giáo cổ của Sóc Trăng.

1. Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh, 2003 (Tài liệu của Bảo tàng tỉnh Sóc Trăng).

2. Đoàn tù chính trị khoảng 1.800 người từ Côn Đảo, đã cập bến Đại Ngãi đêm 23-9-1945. Các đồng chí trên các chiếc tàu đến trước được Tỉnh ủy, chính quyền và nhân dân làng Đại Ngãi đón tiếp đưa về Trường Taberd (Trường Lê Lợi, thành phố Sóc Trăng ngày nay), còn các đồng chí đi trên những chiếc tàu về muộn thì nghỉ lại tại chùa Quan Âm. Nhiều đồng chí trong số tù chính trị về trong đợt này về sau đảm nhận những vai trò lãnh đạo quan trọng của Đảng và Nhà nước Việt Nam, như Cố Tổng Bí thư Lê Duẩn, Cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, Cố Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Hùng cùng nhiều cán bộ cao cấp khác...

- Hải Phước An Tự

Hải Phước An Tự là ngôi chùa của người Kinh cổ kính ở vùng biển Vĩnh Châu, là một trong số những ngôi chùa có kiến trúc, cảnh quan xưa và đẹp nhất của tỉnh Sóc Trăng nói riêng và của Nam Bộ nói chung. Nhìn từ xa, ngôi chùa ẩn mình trong khu rừng nhỏ đầy cây sao cổ thụ quý hiếm, được trồng lâu đời trên một giồng biển cao thoai thoải. Sự tĩnh mịch của chùa tạo vẻ trầm tư thanh thoát của ngôi Già Lam (là tên gọi của ngôi chùa - còn được dịch là Tăng viên, Tăng viện). Ngôi chùa cổ xưa này còn đầy dấu ấn thiên nhiên hoang dã, thể hiện một quá khứ khẩn hoang nhọc nhằn của tín đồ Phật giáo người Kinh. Chùa do Hòa thượng Thích Long Trì[1], thế danh là Châu Ngọc Phò xây dựng vào năm Đinh Hợi 1887.

Mặc dù Hải Phước An Tự không phải do Hòa thượng Thiện Phú khai sơn, nhưng dân địa phương thường gọi chùa này là Chùa ông Thiện Phú Vàm Sát, có lẽ nhờ công đức của sư sửa chữa, tu bổ chùa khang trang, bề thế thành một nơi thu hút đông Phật tử. Sư Thiện Phú khởi xướng xưởng nấu dầu thảo mộc tại chùa, hằng năm bán được 200 - 300 lít dầu phong, nhờ vậy chùa tự túc được kinh phí để làm công tác xã hội, từ thiện. Truyền thuyết về sư Thiện Phú rất nhiều, nổi bật nhất về lòng nhân ái của sư, như sư có thể cải hóa cọp, sống thuận hòa với cọp. Xưa kia vùng này rất nhiều cọp, có lần cọp vào chùa, mọi người sợ hãi cuống cuồng tìm đao, mác thì sư Thiện Phú trấn an, bảo đừng sát sanh chốn thiền môn và giải thích có lẽ do mùa hạn, hiếm nước, cọp chỉ đi tìm nước uống. Sư Thiện Phú tự tay múc nước ao trong chùa cho cọp uống. Cọp nhớ ơn, sau đó trở nên hiền lành, không đi vào rừng mà ở luẩn quẩn trong chùa như chó giữ nhà. Vào khoảng năm 1954 - 1955, con cọp ấy chết, sư Thiện Phú đúc hình cọp bộng ruột, gói xương của cọp trong vải đỏ rồi để vào cốt tượng và đặt nơi một bệ thờ trong gian chính điện của chùa. Ngôi chùa cổ kính này có nhiều tượng Phật cổ. Hệ thống thờ tự nơi đây rất độc đáo, thể hiện sự giao thoa văn hóa giữa các dân tộc:

Phật điện thờ Phật Di Đà ở giữa, hai bên là Quan Âm và Thế Chí, là những tượng gốm lâu đời.

Hai dãy bên trong chính điện gồm các tượng gỗ và tượng gốm lâu năm, xếp thành hệ thống như sau:

- Ngọc Hoàng Thượng Đế, hai bên là Nam Tào - Bắc Đẩu;

- Thiên Hậu Thánh Mẫu, hai bên là Kim Đồng - Ngọc Nữ; Thuận Phong Nhĩ và Thiên Lý Nhãn;

- Huyền Thiên Thượng Đế (Bắc Đế) - Quan Thánh Đế Quân, hai bên là Quan Bình - Châu Xương (Quan Thánh Đế Quân được thờ như vị Già lam đã xuất gia);

1. Hòa thượng Thích Long Trì từng là đệ tử của Hòa thượng Thanh Chương, thế danh là Lê Minh Thành, từng là một vị quan cựu thần dưới thời Tự Đức. Ông tham gia phong trào khởi nghĩa chống Pháp của Trương Định. Khi khởi nghĩa thất bại, ông lập ra chùa An Thạnh Linh ở xã Hòa Bình, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

Gian chính điện cổ kính tại chùa Hải Phước An, huyện Vĩnh Châu

Ảnh: Yến Tuyết

- Địa Tạng Vương Bồ Tát;

- Vô Độc Quỷ Vương và Phổ Quang Bồ Tát;

- Ông Hổ;

- Nhất điện và Ngũ điện[1];

- Đạt Ma Tổ sư;

- Thập điện Tào Quan, Phán Quan;

- Giám trai;

- Tiêu diện đại sĩ (tượng gốm, có đề chữ " Đề ngạn Bửu Nguyên", tức đồ gốm lò Bửu Nguyên ở Sài Gòn) và tượng Hộ pháp (tượng gỗ);

- Chuẩn Đề (18 tay là tượng đồng);

- Thầy trò Đường Tăng…

Hệ thống tượng và cổ vật trong chùa này hầu hết là những tác phẩm mỹ nghệ cổ, bằng gỗ, bằng gốm... được sản xuất tại Sài Gòn - Chợ Lớn - Lái Thiêu xưa. Đặc biệt nhiều tượng là công trình thủ công của ông Bùi Quang Điển (về sau con trai của ông là Bùi Thiện Phước thực hiện tiếp theo cha). Cha con ông này là thợ người Huế, họ chế tác tại chỗ hệ thống tượng thờ ở chùa này với nhiều vật liệu khác nhau như gỗ, gốm, đồng... có thể nói đó là những sản phẩm thủ công, là những hiện vật cổ rất mỹ thuật còn tồn tại trong một ngôi chùa Phật giáo Bắc truyền cổ xưa

1. Theo tích Bao Công mất được làm Nhất điện, sau Ngọc Hoàng đổi làm Ngũ điện.

và đẹp như chùa Hải Phước An[1]. Chùa này xứng đáng trở thành một trong những điểm tham quan du lịch, tu tập và nghiên cứu[2].

Chùa Hải Phước An có mối liên hệ theo trình tự thời gian với các chùa trong vùng sau đây:

- Chùa An Thạnh Linh Tự (xã Hòa Bình, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu)[3];

- Chùa Phước Trường An Tự, xây dựng năm 1792 (ấp Trà Teo, xã Hòa Đông, huyện Vĩnh Châu);

- Chùa Hội Phước An Tự, xây dựng năm 1881 (Nam Chánh, xã Lĩnh Hội Thượng, huyện Long Phú).

Hằng năm, vào ngày 19 tháng 7 âm lịch, chùa đều tổ chức lễ Vu Lan rất lớn và phát chẩn cho người nghèo trong vùng. Lễ hội này có ý nghĩa cầu siêu cho linh hồn vất vưởng được siêu thoát và cầu an cho xóm làng, dân cư, tín đồ trong vùng.

Hệ phái Khất sĩ

Hệ phái Khất sĩ của Phật giáo chủ yếu chỉ có tại Nam Bộ và chỉ phổ biến ở người Kinh. Hệ phái Khất sĩ còn lan rộng tới miền Trung. Hệ phái Khất sĩ chủ trương dung hợp hai hệ phái Bắc truyền và Nam truyền trong Phật giáo của người Kinh, nhưng cho tới nay điều này vẫn chưa thực hiện được. Hệ phái Khất sĩ do Thiền sư Minh Đăng Quang[4] khai mở vào khoảng 1944, ông được tín đồ tôn là Tổ sư. Tại Sóc Trăng có khoảng 10 tịnh xá của hệ phái Khất sĩ, chủ yếu phân bố tại thành phố Sóc Trăng và các huyện: Kế Sách, Mỹ Tú, Vĩnh Châu với tổng số 33 tăng ni (xem Bảng 24.4).

Hệ phái Phật giáo Nam truyền

Hệ phái Phật giáo Nam truyền ở Nam Bộ gồm hai bộ phận: Phật giáo Nam truyền của người Kinh và Phật giáo Nam truyền (Theravada) của người Khmer. Tại Sóc Trăng hầu như từ trước tới nay không có hệ phái Nam truyền của người Kinh, chỉ có Phật giáo Nam truyền của người Khmer (Theravada) với 92 ngôi chùa phân bố tại thành phố Sóc Trăng và các huyện, bao gồm 1.699 vị sư, 59.299 hộ tín đồ Khmer (với 372.123 tín đồ) (xem Bảng 24.5).

Ngoài các chùa Phật giáo Theravada nêu trên, ở Sóc Trăng còn có một số cơ sở khác liên quan đến Phật giáo của người Khmer như Trường Bổ túc văn hóa Pali trung cấp Nam Bộ. Trường đặt trong khuôn viên chùa Khleang (khóm 1, phường 6, thành phố Sóc Trăng), gồm có 176 tăng sinh và 18 vị đảm nhận công việc quản lý, giảng dạy.

1. Điều đáng tiếc là hiện nay người ta xây chính điện mới cho chùa rất to lớn và theo vật liệu hiện đại, sơn lại các phần mộ tháp bằng đủ loại màu sắc lòe loẹt làm lạc lõng cho ngôi chính điện cổ và cảnh quan thiên nhiên vốn rất đẹp, đầy những hàng cây sao như trước đây.

2. Tiếc rằng trong quá trình trùng tu mấy năm qua, chùa đã phần nào đánh mất vẻ u nhã cổ kính. Màu vôi các ngôi mộ cổ trở nên lòe loẹt, tòa chính điện to lớn mới xây có vẻ "chắp vá" với chính điện cũ và với vẻ tĩnh mịch của ngôi chùa cổ. Một số hàng cây sao lâu năm, độc đáo của chùa bị chặt bỏ để xây tòa chính điện đồ sộ.

3. Chùa của sư phụ Hòa thượng Long Trì như đã trình bày ở trên.

4. Thiền sư Minh Đăng Quang thế danh là Nguyễn Thành Đạt, sinh năm 1923 tại làng Phú Hậu, tổng Bình Phú, quận Tam Bình, Vĩnh Long.

Bảng 24.4: Hệ phái Khất sĩ tại Sóc Trăng

STT	Thành phố/ Huyện	Số Tịnh Xá	Số tăng, ni	Số Phật tử
1	Thành phố Sóc Trăng	4	16	570
2	Kế Sách	2	4	110
3	Mỹ Xuyên	0	0	0
4	Mỹ Tú	2	10	400
5	Thạnh Trị	0	0	0
6	Long Phú	0	0	0
7	Vĩnh Châu	2	3	110
	Tổng Số	**10**	**33**	**1.190**

Nguồn: Ban Tôn giáo Tỉnh Sóc Trăng, 2007.

Bảng 24.5: Phật giáo Theravada của người Khmer ở Sóc Trăng

STT	Thành phố/ Huyện	Số chùa	Số tăng	Số tín đồ
1	Thành phố Sóc Trăng	07	93	28.097
2	Châu Thành	09	118	45.328
3	Mỹ Xuyên	18	360	77.656
4	Mỹ Tú	07	125	25.473
5	Thạnh Trị	08	94	28.993
6	Long Phú	14	297	61.581
7	Vĩnh Châu	21	512	80.551
8	Kế Sách	06	86	16.651
9	Cù Lao Dung	01	08	2.830
10	Ngã Năm	01	06	4.963
	Tổng cộng:	***92***	***1.699***	***372.123***

Nguồn: Ban Tôn giáo tỉnh Sóc Trăng, 31- 12- 2009

Tổng hợp: Phan Thị Yến Tuyết

Sóc Trăng là một trong số những tỉnh tại Nam Bộ có nhiều chùa Phật giáo Theravada Khmer cổ xưa. Các chùa khi đó là những ngôi chùa nhỏ với vật liệu thô sơ bằng tre lá. Về sau cư dân đông hơn, đời sống khá hơn, đồng bào Khmer mới có thể trùng tu, xây cất lại chùa với đá, gỗ, gạch, ngói... Chỉ từ khoảng nửa đầu thế kỷ XX, khi các vật liệu xây dựng kiên cố như xi măng, sắt, thép... bắt đầu được thực dân Pháp đưa sang trong chủ trương mở rộng thuộc địa thì mới dần dần có được các ngôi chùa khá kiên cố mà ngày nay vẫn còn tồn tại. Hơn nữa, các chùa Khmer đều không có ghi niên đại xây dựng, kể cả trên các sei ma bằng đá đặt vào lúc xây dựng và khánh thành chùa, vì vậy đồng

Những bức tượng đắp nổi trên tường chính điện chùa Peng Somperk trước khi bị thay thế bằng hình thức trang trí khác

Ảnh: Yến Tuyết

Chùa Ông Kho (Nôrêht Rensei) ở Thạnh Trị

Ảnh: Yến Tuyết

Nữ thần Đất (Neàng Hing Pthôny) và nữ thần Lúa (Neàng Pralưng srâu) ở chùa Pôthi Satharam, Sóc Trăng

Ảnh: Yến Tuyết

bào Khmer chỉ có thể ước đoán năm xây dựng hay trùng tu chùa qua trí nhớ lưu truyền về các đời sư trụ trì.

Những ngôi chùa Khmer cổ xưa nhất ở Sóc Trăng được cho rằng có niên đại vào thế kỷ XV - XVI như các chùa Prasa'th Kông (ấp Tắc Giồng, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên); chùa Chrùitim Chắs (chùa Trà Tim cũ ở khóm Tâm Trung, phường 10, thành phố Sóc Trăng), chùa Peng Somperk, (ấp Giồng Chùa A, xã An Hiệp, huyện Châu Thành), chùa Pôthi Prứk (ấp Châu Thanh, xã Lịch Hội Thượng), chùa Bãi Xàu (Chợ Cũ, thị trấn Mỹ Xuyên), chùa Khleang (khóm 5, phường 6, thành phố Sóc Trăng), chùa Sêray Crosăng (ấp Cà Săng, xã Vĩnh Châu), chùa Mahatúp - chùa Dơi - (khóm 9, phường 3, thành phố Sóc Trăng)[1]...

Các chùa Chrùitim Chắs, chùa Peng Somperk… cũng như các chùa vừa kể trên phần lớn là các danh thắng ở Sóc Trăng, như chùa Peng Somperk (ấp Giồng Chùa A, xã An Hiệp, huyện Châu Thành) từng là một ngôi chùa cổ xưa, có phong cách kiến trúc rất đẹp, có giá trị nghệ thuật và lịch sử. Phía trước chính điện của chùa có một số trụ linga bằng đá. Trên các bức tường phía ngoài chính điện đúc nổi các tượng thần Bàlamôn theo phong cách mỹ thuật Ấn Độ, có vẻ đẹp sống động, độc đáo. Tài liệu thư tịch của Pháp thời thuộc địa đã ca tụng kiến trúc và phong cách nghệ thuật của chùa Peng Somperk và họ cho rằng nếu căn cứ vào kiến trúc và nghệ thuật thể hiện thì chùa Peng Somperk rất cổ xưa.

Một số chùa Khmer cổ và đẹp như chùa Ông Kho (Nôrêht Rensei) ở huyện Thạnh Trị với dạng trang trí độc đáo như tượng chư thiên cưỡi ngựa theo truyền thuyết của đạo Bàlamôn được gắn trên mái chùa. Một số chùa Khmer ở Sóc Trăng còn thể hiện tín ngưỡng dân gian truyền thống cổ xưa trong nghệ thuật kiến trúc, trang trí, như các chùa còn lưu giữ hình ảnh nữ thần Đất (neàng Hing Pthôny) và nữ thần Lúa (neàng Pralưng srâu).

Chùa Sangker ở xã Trường Khánh, Long Phú với toàn bộ vòng rào của chùa là các tấm phù điêu chạm một môtíp chung là bánh xe luân hồi, mỗi mảng tường vòng rào dài khoảng 1m ghi tên từng gia đình hay cá nhân đóng góp. Có chùa Khmer còn thể hiện dấu ấn kiến trúc thời Pháp thuộc như chùa Pôthi Satharam ở xã An Ninh, huyện Châu Thành...

Tại Sóc Trăng một số chùa Khmer được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia như chùa Khleang và chùa Mahatúp (chùa Dơi)…

Chùa Khleang: Theo tài liệu của Bảo tàng tỉnh Sóc Trăng[2], chùa Khleang được làm lễ kiết giới (Bành chót sê ma) khoảng thế kỷ XVI, chính điện thoạt đầu chỉ bằng gỗ, lợp lá. Tăng sĩ Thạch Sóc 61 tuổi, người đã thọ giới được 40 năm, lúc đó đang tu tại chùa Luông

1. Theo số liệu của Ban Tôn giáo tỉnh Sóc Trăng năm 2001.

2. Di tích lịch sử, văn hóa cấp quốc gia. Trích tài liệu của Bảo tàng tỉnh Sóc Trăng (người lập hồ sơ Nguyễn Minh Tâm), năm 1990.

Bassac đã trở thành vị sư cả trụ trì đầu tiên của chùa Khleang. Từ khi xây dựng chùa đến năm 1990, chùa Khleang đã trải qua 21 đời đại đức trụ trì. Ngôi chính điện và sala của chùa Khleang hiện nay được xây dựng lại mới hoàn toàn vào năm 1918 trên nền chùa cao 2m. Chánh (chính - *BT*) điện được xây dựng bằng 6 hàng cột dọc gồm 60 cây cột trụ. Giữa hai đoạn cột là phần gỗ được sơn mài đen, vẽ hình rồng, hoa, lá bằng nhũ vàng theo môtíp trang trí của người Hoa. Toàn bộ khung và cánh cửa của ngôi chánh điện chùa là một công trình nghệ thuật chạm khắc gỗ của nghệ nhân Khmer Nam Bộ. Phần mái chính điện là một loại kết cấu đặc biệt, gồm hệ thống 3 cấp mái chồng lên nhau từ thấp đến cao, lợp ngói theo kiểu vảy rồng. Trên 2 mái chồng lên nhau đều có trang trí hình tượng rồng (neak) và được xếp ở những ranh giới mà mái được nâng lên. Đầu rồng mảnh mai, có sừng nhọn uốn lượn, thân rồng là thân của một loài cá (poon-so) nên rồng không có chân. Trên lưng rồng giương những ngọn mác cong nhọn, cong về phía đuôi. Phật điện của chùa thờ một hệ thống gồm 40 tượng Phật Thích Ca bằng nhiều chất liệu khác nhau (đá, đồng thau, xi măng, gỗ, đất nung…). Trong 40 pho tượng Phật này có pho tượng trung tâm của Phật điện cao 2,5m, được đặt trên một bệ cao 1,5m, trang trí hoa văn hình cánh sen và những ngọn lửa. Tượng Phật trong bộ y kín, trang trí hoa văn cổ truyền, ngồi thiền định thanh thoát. Trên bệ thờ là một bức bao lam (khung có gắn hình, thường trang trí trên tường, trong chùa của người Khmer) bằng gỗ sơn son thếp vàng, trang trí hoa văn hình chim muông, hoa lá theo môtíp quen thuộc tại các đình chùa người Kinh. Chùa Khleang là một công trình kiến trúc có giá trị về mặt mỹ thuật tạo hình, thể hiện sự giao thoa văn hóa giữa 3 dân tộc Khmer, Kinh, Hoa. Chùa Khleang ở Sóc Trăng là một trong những công trình kiến trúc nghệ thuật tiêu biểu của chùa Khmer Nam Bộ.

Chùa Dơi (Wath Sêrây Têchô Mahatúp)*[1], *hoặc chùa Mã Tộc

Chùa Dơi tại thành phố Sóc Trăng đã trải qua khoảng 19 đời sãi cả. Điểm đặc biệt ở chùa này rất nhiều dơi, khoảng vài vạn con, vì vậy mà người dân địa phương gọi là chùa Dơi[2]. Đàn dơi ở chùa Mahatúp sống nền nếp, tôn ti trật tự. Chúng vừa bay, vừa xếp hàng, lượn vài vòng trên bầu trời khu vực chùa Mahatúp, như cầu Đức Phật ban phước lành trước khi đi kiếm ăn rất xa (do chúng không xâm phạm trái cây của đồng bào trong vùng cũng như trái cây trong khuôn viên chùa). Đặc biệt đàn dơi trong chùa không bao giờ dám bay qua nóc chánh điện (lúc đi cũng như lúc về). Chùa Dơi được xếp hạng là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia, là một trong những địa điểm tham quan, du lịch của Sóc Trăng.

Chùa Khmer nói riêng và chùa của Phật giáo Nam truyền nói chung có

1. Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia. Trích tài liệu của Bảo tàng tỉnh Sóc Trăng (Người lập hồ sơ: Lê Quốc Dũng), năm 1998.

2. Chùa Khmer luôn có hai dạng tên, dạng thứ nhất là tên chính thức, trang trọng viết bằng Phạn ngữ, còn dạng tên thứ hai là tên bình dân, do cư dân địa phương (nhất là người Kinh, người Hoa) gọi theo đặc điểm của chùa, do họ không biết nói theo tiếng Phạn vừa dài vừa khó.

đặc điểm khác với chùa Phật giáo Bắc truyền là ngoài chức năng là nơi tu tập, chùa Phật giáo Nam truyền còn là nơi diễn ra các hoạt động văn hóa của toàn thể cộng đồng dân tộc, vì vậy ngoài việc thực hiện các nghi lễ tôn giáo của Phật giáo, chùa Khmer của Phật giáo Nam truyền còn thực hiện những lễ hội truyền thống của dân tộc.

Về những cuộc lễ mang nghi thức của chư tăng Phật giáo, chùa Phật giáo Theravada của người Khmer bao gồm một hệ thống lễ như sau:

(1). Lễ Ban hành giáo lý (Bon Keakhbâuchea):

Lễ nhắc nhở tín đồ nhớ ngày đức Phật ban hành giáo lý, tổ chức vào ngày 15 tháng giêng âm lịch. Trong chùa, các vị sư tập trung đọc kinh cầu nguyện, ca ngợi công ơn Đức Phật.

(2). Lễ Đức Phật sắp đắc đạo (Bon Meakabâuchea):

Lễ Đức Phật cho biết 3 tháng nữa sẽ nhập Niết Bàn, tổ chức vào tháng 2 dương lịch.

(3). Lễ Phật Đản (Bon Visak bô chea):

Người Khmer làm lễ Đản sinh theo quy tắc của Phật giáo Theravada, vào ngày trăng tròn của tháng năm âm lịch (chậm hơn một tháng so với ngày Phật Đản của Phật giáo Bắc truyền), là ngày Đức Phật đắc đạo và cũng là ngày Đức Phật viên tịch nhập Niết bàn.

(4). Lễ Nhập hạ (Bon Chôl Vôsa):

Lễ diễn ra vào đầu mùa mưa, trong ngày 15 tháng 6 âm lịch, là ngày chùa tổ chức lễ nhập hạ cho các sư sãi. Nhập hạ kéo dài trong 3 tháng, từ 15 tháng 6 đến 15 tháng 9 âm lịch, là thời gian người nông dân Khmer vào mùa gieo trồng làm ruộng. Thời gian này các nhà sư phải ở trong chùa suốt 3 tháng không đi ra ngoài khất thực để không ảnh hưởng đến việc sản xuất của tín đồ (trừ khi gia đình nào có đám lễ, đám phước (phúc - *BT*) mời sư đến tụng kinh thì sư mới được ra khỏi chùa). Trong những dịp như vậy, nhà sư vẫn phải trở về chùa trước 5 giờ chiều. Trong thời gian nhập hạ, các vị sư tĩnh tâm tu hành, học đạo.

(5). Lễ Xuất hạ (Bon Chênh Vâssa):

Lễ được tổ chức từ ngày 1 đến ngày 15 tháng 9 âm lịch. Đây là lễ chấm dứt 3 tháng nhập hạ của sư sãi Khmer. Sau lễ này, các nhà sư mới có quyền rời chùa đi khất thực hay thăm viếng gia đình. Lễ xuất hạ trong ngày rằm tháng 9 âm lịch của các vị sư cũng cùng ngày với lễ Đức Phật xuống trần gian (Bon Asochbâuchea) sau khi ngài nhập hạ ở Niết bàn. Trong chùa Khmer các sư làm lễ cúng hài cốt của Đức Phật vì theo truyền thuyết của nhà Phật, sau khi Đức Phật tịch về cõi Trời thì hài cốt của ngài vẫn để lại nơi hạ giới[1].

Ngoài những lễ mang tính chất nghi thức của tăng sĩ Phật giáo nêu trên, chùa Khmer còn không ít những lễ liên quan đến vai trò, chức năng của sư sãi, chùa chiền Khmer như:

1. Thạch Voi - Hoàng Túc: *Phong tục, lễ nghi của Khmer Đồng bằng sông Cửu Long* trong *Tìm hiểu vốn văn hóa dân tộc Khmer Nam Bộ,* Nxb. Tổng hợp Hậu Giang, 1988, tr. 143 - 1948.

Chùa Chăm pa, huyện Mỹ Tú

Ảnh: Yến Tuyết

Chùa Trà Sết, huyện Vĩnh Châu

Ảnh: Yến Tuyết

- Lễ Dâng y cà sa (Ka-thanh):

Lễ tổ chức vào ngày 16 tháng 9 đến ngày 15 tháng 10 âm lịch. Tín đồ Phật giáo các nơi ở Sóc Trăng chọn một ngày trong quãng thời gian đó để tổ chức lễ Dâng y cà sa, trong lễ này, tín đồ cùng nhau cúng dường y (Dâng y cà sa), lương thực cho các sư trong chùa. Riêng "bông tiền" (tiền kết thành những bông hoa treo trên những cây bông "slathô") thì dành để tu sửa chùa. Lễ Ka-thanh tổ chức trọng thể tại các chùa ở Sóc Trăng, thể hiện sự chu đáo của tín đồ chăm lo cho cuộc sống thanh bạch của các vị sư. Trong lễ này thường đoàn múa xà dăm đi đầu biểu diễn, sau đó tín đồ bưng hoặc đội, khiêng các chiếc kiệu, bên trên đặt lễ vật, họ đi thành đoàn 3 vòng quanh chính điện, vừa đi vừa đọc kinh, sau đó mới vào chùa để cúng dường chư tăng (dâng cúng của phật tử cho Phật, nghĩa là mang vật phẩm dâng lên người tu hành (chư tăng)).

- Lễ Kiết giới (Bon Bânchôs sêma):

Khi chính điện của chùa được xây mới, chính điện đó phải được thực hiện Lễ Kiết giới tức lễ khánh thành theo nghi thức của Phật giáo thì ngôi chính điện đó mới có tính thiêng để hoạt động. Trong miếng đất sẽ xây chính điện, người Khmer đào 8 hố xung quanh tường theo 8 hướng, để 8 bia đá gọi là sloek sêma, còn ngay ở giữa chính điện cũng đào một hố trung tâm, nơi đặt bia đá gốc gọi là rựk sêma. Người dân mong ước kiếp sau của mình hay con cái mình được như thế nào thì bỏ xuống hố những vật tượng trưng tương ứng, ví dụ ước sắc đẹp sẽ bỏ gương lược, ước học giỏi sẽ bỏ tập sách, ước giàu có sung túc thì bỏ vàng bạc, tiền, lúa gạo... Khi kết thúc lễ, người ta sẽ lấp các hố đó lại theo những nghi thức trang trọng theo quy định của Phật giáo. Trong thời gian qua Lễ Kiết giới (Bon Bânchôs sêma) tại chùa Muni Sras Keo (huyện Thạnh Trị) và chùa Pôthi Chum (huyện Mỹ Xuyên) tổ chức rất trang trọng, thu hút hàng chục nghìn người tham dự.

- Lễ hội Linh (Bon Pchum banh):

Khuôn viên chùa Khmer nào cũng có một số tháp dành lưu hài cốt của tín đồ tại địa phương. Theo phong tục truyền thống, người Khmer đưa hài cốt thân nhân của mình nhập tháp sau khi thực hiện nghi thức hỏa táng. Hằng năm, từ ngày 16 đến 30 tháng 8 âm lịch, đồng bào Khmer tiến hành nghi lễ Pchum banh (còn gọi là kan bôn) mục đích để tạo phước cho thân nhân quá vãng. Người ta nấu nếp và gạo, vắt thành những nắm xôi và nắm cơm dẹp vo tròn gọi là bai banh để cúng. Trong Lễ hội Đôn Ta, Lễ hội Linh được các vị sư trong chùa thực hiện bằng cách đọc kinh cầu siêu, thuyết pháp…

- Lễ Cầu siêu (Bon Băng sưcôl):

Hằng năm, vào ngày thứ ba của lễ hội Chôl Chnăm Thmây (lễ vào năm mới), đồng bào Khmer đều tổ chức nghi lễ Băng sưcôl tại chùa và tại các chet đây (tháp để hài cốt) để các vị sư đọc kinh cầu siêu và cầu phước cho linh hồn người quá cố. Đối với những cái chết không bình thường theo quan

Lễ Cầu siêu (Bon Băng sưcôl) tại chùa Trà Sết, xã Vĩnh Hải, huyện Vĩnh Châu

Ảnh: Yến Tuyết

Lễ Kiết giới (Bon Bânchôs sêma) tại chùa Khmer

Ảnh tư liệu

niệm của người Khmer (như chết vì tự tử, phụ nữ chết khi đang sinh nở, chết vì tai nạn khi lưu thông…) thì tại các chet đây lưu giữ những hài cốt đó được nhiều sư sãi đến đọc kinh cầu siêu hơn.

- Lễ Đi tu (Bon Bâm buos):

Theo quy định trong hệ phái Phật giáo Nam truyền nói chung, trong đó có Phật giáo Theravada của người Khmer, chỉ có nam giới mới được thọ giới đi tu, nữ giới không được tu. Việc tu hành của nam giới người Khmer ngoài chức năng niềm tin tôn giáo còn để rèn luyện đạo đức và sâu xa hơn nữa đi tu nhằm để trả ơn cha mẹ, cầu phúc cho cha mẹ cũng như cho cuộc đời chính mình. Theo quan niệm của người Khmer, lứa tuổi lý tưởng nhất cho nam giới đi tu là khoảng 12 tuổi, vì ở tuổi này thể xác lẫn tinh thần các thiếu niên rất trong trắng, tu sẽ được phước cho cá nhân lẫn cha mẹ của thiếu niên đó. Người đi tu phải trải qua 2 bậc *sa di* và *tỳ khưu*, khi bắt đầu đi tu được người Khmer gọi là neak (rắn) theo truyền thuyết rắn nagar tu luyện thành người, theo Đức Phật tu tập, hành đạo. Tại các chùa Khmer ở Sóc Trăng hiện nay vẫn có những thiếu niên được thực hiện nghi thức tu bậc sa di trong một thời gian ngắn vào kỳ nghỉ hè để không ảnh hưởng việc học ở trường phổ thông. Đây là một trong những điều cho thấy tại vùng sâu, vùng xa ở Sóc Trăng, đồng bào Khmer vẫn còn lưu giữ những phong tục tập quán truyền thống lâu đời trong đời sống tôn giáo của cộng đồng.

Tóm lại: Cả 3 hệ phái Phật giáo nói chung tại tỉnh Sóc Trăng có nhiều hoạt động tôn giáo. Ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo tỉnh Sóc Trăng trong thời gian qua đã có một số hoạt động trọng tâm về tôn giáo như thành lập tổ chức ni giới, triển khai nội quy tăng sự của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tổ chức Đại lễ Phật đản, Phật lịch 2553 (diễn ra tại 9 điểm thuộc 9/10 huyện và thành phố, riêng lễ đài chính tổ chức tại chùa Khánh Sơn ở phường 6, thành phố Sóc Trăng), tham gia cầu siêu anh hùng liệt sĩ tại Phú Quốc, đặc biệt là sự kiện tổ chức Đại Giới đàn Huệ Minh tại tỉnh. Sư sãi và tín đồ Phật giáo tỉnh Sóc Trăng còn tích cực tham gia công tác từ thiện với trị giá trên 10 tỷ đồng, đặc biệt nhất là hoạt động cấp phát gạo cho người dân nghèo.

Riêng về hệ phái Phật giáo Nam truyền (Theravada) của người Khmer cũng có nhiều hoạt động, như Hội Đoàn kết sư sãi yêu nước mở 15 lớp Pali sơ cấp cho 125 tăng sinh trong tỉnh theo học. Trường Bổ túc văn hóa Pali Trung cấp Nam Bộ tại Sóc Trăng cũng tổ chức khai giảng. Hội Sư sãi yêu nước tỉnh Sóc Trăng cũng đã tiếp nhận gần 50.000 kinh sách do Ban Tôn giáo Chính phủ in hỗ trợ cho sư sãi và tín đồ 92 chùa Phật giáo Theravada trong tỉnh…

2. Công giáo

Tại Sóc Trăng, Công giáo chỉ đứng sau Phật giáo về số lượng tín đồ. Được du nhập khá sớm, trải qua nhiều thời kỳ lịch sử khác nhau cũng như do giao lưu tiếp xúc với nhiều dòng văn hóa, nhiều tộc người khác nhau nên Công

giáo ở Sóc Trăng đã thể hiện những sắc thái khá đặc biệt so với một số nơi khác tại Nam Bộ.

Bảng 24.6 cho thấy Công giáo ở Sóc Trăng có 64.483 tín đồ, 53 cơ sở thờ tự gồm 31 nhà thờ xứ, 20 nhà nguyện, trong đó có 2 nhà nguyện thuộc dòng Mến Thánh giá và dòng Chúa Quan phòng. Riêng dòng Mến Thánh giá có 20 cộng đoàn ở trong và ngoài tỉnh. Về chức sắc Công giáo, Sóc Trăng có 55 linh mục, 137 nữ tu[1]. Huyện Kế Sách là địa bàn hoạt động mạnh nhất của Công giáo ở Sóc Trăng, nơi đây có đến 10 thánh đường, 6 nhà nguyện cùng 15.286 giáo dân người Kinh. Huyện Mỹ Tú cũng là nơi phát triển của Công giáo Sóc Trăng với 5 nhà thờ, 4 nhà nguyện cùng 12.578 giáo dân người Kinh. Ngoài ra tại huyện Long Phú và thành phố Sóc Trăng mỗi nơi cũng có khoảng 8.000 giáo dân người Kinh. Huyện không có tín đồ Công giáo là Vĩnh Châu, do đó huyện này cũng không có nhà thờ Công giáo. Điểm đặc biệt là ở Sóc Trăng có 1.814 người người Khmer là tín đồ Công giáo, đông nhất tại Long Phú (860 giáo dân) và thành phố Sóc Trăng (846 giáo dân).

Sử liệu đã ghi lại những hoạt động của các vị thừa sai và Hội Truyền giáo ở Nam Bộ, trong đó có Sóc Trăng. Các địa danh gắn liền với các linh mục thừa sai trong việc truyền giáo ở Sóc Trăng là: Trà Lồng, Trà Cú, Sóc Trăng, Tân Thạnh, Hòa Hưng, Hòa Thượng, Hòa Lý, Tràng Lễ, Nhu Gia, Sa Keo.

1. Số liệu của Ban Tôn giáo tỉnh Sóc Trăng năm 2009.

Qua quá trình khảo sát, chúng tôi có thể tạm xác định được thời điểm hình thành bốn họ đạo Công giáo xưa trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (theo địa giới hành chính hiện nay) là:

- Họ đạo Cái Oanh (thuộc xã Tân Thạnh, huyện Long Phú), hình thành khoảng năm 1801;

- Họ đạo Cổ Cò (huyện Mỹ Xuyên), năm 1864;

- Họ đạo Sóc Trăng (thành phố Sóc Trăng), năm 1888;

- Họ đạo Bãi Giá (xã Trung Bình, huyện Long Phú), năm 1897.

Công giáo ở Sóc Trăng có những họ đạo gốc tích lâu đời như họ đạo Sa Keo[2] ở Sóc Trăng.

Giai đoạn trước năm 1924, Sóc Trăng có giáo xứ Sa Keo được lập ra tại vùng quê Sa Keo hẻo lánh, hoang sơ. Linh mục Ken xây dựng một nhà thờ nhỏ bằng gỗ lợp lá làm nơi hành đạo của 3 gia đình Công giáo ban đầu. Vào thời gian này, Linh mục Giuse Triều đưa thêm khoảng 10 gia đình giáo dân từ nơi khác đến họ đạo Sa Keo. Chỉ ở nơi vắng vẻ này giáo dân mới có thể vừa giữ được mối đạo trong hoàn cảnh khó khăn, vừa có chỗ khẩn hoang để

2. Tài liệu điền dã của Phạm Thanh Duy, khoa Nhân học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh (Tài liệu gốc: Linh mục Mathiêu Hoàng Văn Lại: *Lịch sử họ đạo Sa Keo*, bản đánh máy 11 trang).

Bảng 24.6: Công giáo trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

STT	Thành phố/ Huyện	Cơ sở tôn giáo			Nhà tu hành		Số tín đồ	
		Nhà thờ	Nhà nguyện	Cơ sở khác	Linh mục	Nữ tu	Kinh	Khmer
1	Thành phố Sóc Trăng	01	01	02	05		7.974	846
2	Châu Thành	01	01		01		2.819	31
3	Mỹ Xuyên	05	02		07		5.652	22
4	Mỹ Tú	05	04		09		12.578	08
5	Thạnh Trị	01			02		1.949	03
6	Long Phú	05	01		09		8.905	860
7	Vĩnh Châu							
8	Kế Sách	10	06		16		15.286	29
9	Cù Lao Dung		02				835	15
10	Ngã Năm	03	03		06		6.671	
Tổng cộng:		**31**	**20**	**02**	**55**		**62.669**	**1.814**

Nguồn: Ban Tôn giáo tỉnh Sóc Trăng, 31-12-2009

sinh sống[1]. Giai đoạn sau năm 1924, khi kênh Bàu Còn[2] (nay gọi là kênh xáng Mỹ Phước - Cái Trầu) hoàn thành, dân cư dần dần tụ tập sinh sống phía bờ kênh để khẩn hoang lập nghiệp. Cách bờ kênh khoảng 1.000 mét là rạch Cũ, một nhánh của rạch Chóc, Linh mục Emmanuel Phan Thanh Hóa đã từng xây dựng một ngôi nhà thờ nhỏ. Từ rạch Chóc dẫn sâu vào sẽ có 5 ngã kênh mà một trong năm ngã ấy là đường vào giáo xứ Sa Keo.

Năm 1938, Linh mục Gioan Baotixita Hồ Thành Biên từ Talek (Campuchia) chuyển về làm cha sở họ đạo Sa Keo. Năm 1945 do chiến tranh, giáo dân di tản sâu vào kênh số 11 thuộc khu vực rừng tràm và xây dựng tạm một nhà thờ bằng cây lá. Khi Liên đoàn công giáo tỉnh Sóc Trăng thành lập, Linh mục Hồ Thành Biên giữ chức Hội trưởng. Lúc Ủy ban Kháng chiến tỉnh Sóc Trăng dời về rừng tràm cũng là giai đoạn Linh mục Hồ Thành Biên phụ trách và tham gia phong trào Công giáo kháng chiến và Thanh niên tiền phong tỉnh Sóc Trăng. Một số giáo dân theo cha sở của mình ở lại rừng tràm, một số lưu lạc qua những vùng lân cận như Trà Cú, Mỹ Phước, Sóc Trăng. Khi giáo dân trở về Sa Keo,

1. Do điều kiện sống ở thời kỳ đầu thế kỷ XX nhiều bất trắc, biến đổi nên hiện nay không còn chút vết tích gì của nhà thờ Sa Keo ngày xưa, chỉ còn sót lại hậu duệ của một gia đình giáo dân trước đây.

2. Cách Nhu Gia khoảng 3.000m, trước đây có một nhánh sông gọi là sông Sakeo. Theo truyền khẩu, từ nhánh sông này người ta đào một con kênh dài khoảng 4.000m gọi là Kênh Cây Cóc, chảy sâu vào phum, sóc của người Khmer. Một cái bến hơi phình ra người dân gọi là Bến Bầu, ghe xuồng thường neo lại buôn bán. Ngày nay, người dân địa phương gọi là Bầu Còn.

một ngôi nhà thờ nhỏ lại được dựng lên mang tên giáo xứ Bầu Còn, Linh mục Hồ Thành Biên phụ trách chăn dắt giáo dân tại đây cho đến ngày ông lên đường tập kết ra miền Bắc vào tháng 7-1954. Năm 1954, cùng với phong trào di cư, một bộ phận giáo dân ở miền Bắc đã chọn Sóc Trăng làm nơi cư trú, tập trung đông nhất ở xã Đại Hải, huyện Kế Sách[1]. Thời kỳ này Linh mục Nguyễn Văn Chinh là chánh sở họ Trà Lồng kiêm quản hạt[2]. Năm 1956 giáo xứ Bầu Còn thuộc địa phận Cần Thơ[3], do Linh mục Thomas Lê Văn Hay làm cha sở giáo xứ. Cuối năm 1958, Linh mục Phêrô Nguyễn Dư Khánh[4] phụ trách cha sở họ đạo, ông đã xây cất nhà thờ mới vào năm 1961 và nhà xứ vào năm 1962 tại ấp Tân Phước, xã Thạnh Tân ngày nay, lấy lại tên Sa Keo. Từ năm 1968 đến năm 1975 Linh mục Laurensô Phạm Thanh Xuân cai quản họ đạo, giáo xứ Sa Keo đổi thành Tuân Tức, đặt tên theo địa danh hành chính của địa phương.

1. Trước năm 1955, các họ đạo ở khu vực Sóc Trăng hiện nay vốn thuộc quyền cai quản của giám mục giáo phận Nam Vang vì thời gian này là thời kỳ Đông Dương thuộc Pháp nên hầu hết những thư tịch văn bản ghi nhận sự tồn tại các họ đạo Công giáo ở vùng này đều do Tòa giám mục Nam Vang quản lý, không có ở Việt Nam.

2. Linh mục Nguyễn Văn Chinh thuộc Tiểu chủng viện Cù Lao Giêng. Năm 1946 ông cùng giáo dân vào rừng Tràm. Năm 1952 ông vào Đại chủng viện Sài Gòn và năm 1961 được thụ phong linh mục ở Sóc Trăng.

3. Địa phận này do Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình làm giám mục tiên khởi từ năm 1955.

4. Giáo dân còn gọi ông là "Ông nội râu" do ông có râu bạc trắng. Linh mục say mê hội họa và điêu khắc, chế tác nhiều tượng ảnh, trang trí nhiều bức hoành phi, câu đối trên gỗ quý, viết chữ Hán, cẩn ốc trên gỗ quý rồi sơn son thếp vàng.

Về cơ cấu tổ chức của Công giáo ở Sóc Trăng, cấp cao nhất là giáo phận, trực thuộc giáo phận Cần Thơ, do giám mục Emmanuel Lê Phong Thuận phụ trách từ năm 1975. Dưới cấp độ giáo phận là giáo hạt. Đứng đầu mỗi giáo hạt là linh mục Hạt trưởng. Tỉnh Sóc Trăng có 3 giáo hạt: Đại Hải, Trà Lồng và Sóc Trăng với 48 họ đạo:

+ Giáo hạt Sóc Trăng do Linh mục Lê Văn Duyên ở nhà thờ Sóc Trăng làm Hạt trưởng, bao gồm địa bàn thành phố Sóc Trăng, huyện Thạnh Trị và nhà thờ Ba Rinh xã Thiện Mỹ, huyện Mỹ Tú;

+ Giáo hạt Đại Hải do Linh mục Nguyễn Hữu Cường làm Hạt trưởng, bao gồm địa bàn huyện Kế Sách và Phụng Hiệp (thuộc tỉnh Hậu Giang);

+ Giáo hạt Trà Lồng do Linh mục Đặng Xuân Đồng ở nhà thờ Cái Trầu, huyện Thạnh Trị làm Hạt trưởng, gồm các nhà thờ thuộc huyện Mỹ Tú, Thạnh Trị và Long Mỹ (Hậu Giang).

Cấp độ thấp hơn giáo hạt là giáo xứ, là đơn vị cơ bản trong tổ chức của giáo hội Công giáo. Đứng đầu giáo xứ là linh mục chánh xứ, có các linh mục phó xứ phụ tá công tác mục vụ. Thời kỳ thiếu linh mục, có khi nhiều xứ đạo mới có một linh mục. Linh mục đó ngoài bổn phận với xứ đạo nơi mình cư trú còn phải quản nhiệm thêm một số giáo xứ lân cận. (Như giai đoạn từ năm 1955 đến năm 1960 chỉ có một linh mục ở Sóc Trăng nhưng phải coi sóc nhiều xứ đạo khác ở Long Phú, Mỹ Xuyên). Phụ giúp linh mục chánh xứ trong việc điều hành giáo xứ là Hội đồng giáo xứ,

hay Ban hành giáo, do giáo dân trong giáo xứ bầu lên hoặc được linh mục chánh xứ chỉ định. Dưới cấp độ giáo xứ là các giáo họ, giáo khu, do Ban đại diện giáo khu hoặc trùm, trưởng khu phụ trách. Do cơ cấu tổ chức chặt chẽ nên linh mục có thể bao quát được tình hình hoạt động của từng giáo khu do các Ban đại diện giáo khu và Hội đồng giáo xứ báo cáo lên.

Công giáo ở Sóc Trăng rất tích cực hoạt động từ thiện như xây dựng trường mẫu giáo, lớp học tình thương, lớp dạy nghề (mộc, may, đan…), cấp học bổng, cấp xe đạp cho học sinh nghèo, xây dựng cầu, đường, đóng giếng nước ngọt; cất nhà tình thương; hỗ trợ quan tài và đất chôn cất, thuê mướn ruộng cho dân làm; cứu đói; cấp thuốc men khi ốm đau, sắm đò đưa học sinh vùng sâu qua sông miễn phí để đến trường...

Công giáo ở Sóc Trăng là nơi mang dấu ấn tôn giáo - dân tộc rất tiêu biểu, điểm đặc biệt tại xã Trung Bình, có một bộ phận đồng bào Khmer theo Công giáo. Nhà thờ của giáo xứ tại đây là Micae[1] hoặc nhà thờ Bãi Giá, do hầu hết giáo dân của giáo xứ này là người Khmer nên người địa phương quen gọi là nhà thờ Bãi Giá Miên. Khuôn viên Nhà thờ gồm một thánh đường, một khu nhà xứ, lớp dạy giáo lý và chữ phổ thông, nhất là dạy tiếng Khmer cho trẻ em dân tộc Khmer. Nhà thờ Bãi Giá chưa rõ được xây cất năm nào, nhưng theo lời một số người dân địa phương và của linh mục họ đạo này thì nhà thờ đã tồn tại khoảng 100 năm. Theo niên giám thống kê của Công giáo Việt Nam thì giáo xứ này có từ năm 1897 và là một trong số 4 họ đạo lập sớm nhất tại Sóc Trăng (Bãi Giá, Cái Oanh, Cổ Cò và Sóc Trăng). Việc truyền giáo tại giáo xứ Bãi Giá không đơn giản vì Phật giáo Theravada rất sâu lắng trong trong tâm thức của đồng bào Khmer. Mặt khác người dân Khmer cũng có những phong tục tập quán riêng và những phong tục ấy không phù hợp với Công giáo. Rõ ràng các linh mục phải hết sức khó khăn trong việc dung hòa những khác biệt giữa giáo lý Công giáo và phong tục tập quán truyền thống của dân tộc Khmer. Hiện tượng "rối phép đạo" [2] rất phổ biến, nhất là về hôn nhân. Trước khi về coi sóc họ đạo Bãi Giá Miên, Linh mục Võ Văn Việt, một vị linh mục thông thạo tiếng Khmer đã làm mục vụ ở Nhà thờ Kitô Vua, một xứ đạo khá lớn cũng trên địa bàn xã Trung Bình, cách họ đạo Bãi Giá Miên không xa và ông kiêm nhiệm việc trông coi họ đạo Bãi Giá Miên.

Ngôi thánh đường Bãi Giá được trang trí bằng các họa tiết hoa văn truyền thống Khmer. Diềm mái, đỉnh đầu hồi, hai bên bậc thềm của nhà thờ trang trí môtíp rắn. Thậm chí, nhà tạm, là kệ tủ đựng các vật dụng để linh mục làm Thánh lễ trong thánh đường cũng được tạo hình một ngôi chùa Khmer.

1. Micae là tên của một trong ba vị Tổng lĩnh thiên thần, đồng thời cũng là thánh Bổn mạng của nhà thờ này.

2. "Rối phép đạo" là lỗi đạo theo giáo luật Công giáo, thường là lỗi về mặt hôn nhân, khi một người Công giáo kết hôn với người ngoài Công giáo.

Nhà thờ Micae (Bãi Giá), xã Trung Bình

Ảnh: Phạm Thanh Duy

Thời gian qua, Ủy ban Đoàn kết Công giáo tỉnh Sóc Trăng thường xuyên duy trì hoạt động tôn giáo như tổ chức khánh thành nhà thờ mới xây dựng, như nhà thờ Thiết An ở xã Đại Hải có quy mô cho hàng nghìn tín đồ sinh hoạt, hoặc như họ đạo Trà Cú ở xã Long Tân, huyện Ngã Năm và nhà nguyện thị trấn Long Phú làm lễ đặt viên đá đầu tiên xây dựng lại mới cơ sở thờ tự...

3. Đạo Tin Lành

Theo thống kê của Ban Tôn giáo tỉnh Sóc Trăng, tổng số tín đồ đạo Tin Lành tại tỉnh là 3.695 người, trong đó riêng số tín đồ người Kinh là 3.020 người. Trong toàn tỉnh Sóc Trăng hầu như chỉ có thành phố Sóc Trăng và 3 huyện Kế Sách, Long Phú và Vĩnh Châu là có sự hoạt động của đạo Tin Lành. Địa bàn tương đối đông tín đồ Tin Lành nhất là huyện Kế Sách với 3 nhà thờ, 3 mục sư và 1.017 tín đồ người Kinh, kế đó là huyện Long Phú với 2 nhà thờ, 2 mục sư và 997 tín đồ người Kinh. Riêng thành phố Sóc Trăng trong khi chỉ có 1 nhà thờ và 1 mục sư nhưng số tín đồ người Khmer lên tới 570 người, đông hơn so với các nơi khác.

Mặc dù số nhà thờ và tín đồ không nhiều, không đông, nhưng đạo Tin Lành tại Sóc Trăng cũng có những hoạt động đạo khá đa dạng như tăng cường tổ chức lễ bồi linh ca đoàn, bồi dưỡng thánh kinh, linh vụ cho Ban Chấp sự, tín đồ theo từng Hội Thánh: Đại Ngãi, Vĩnh Châu, Châu Khánh, thị trấn Kế Sách, An Lạc Tây, Thới An Hội và thành phố Sóc Trăng... Ban Đại diện Tin Lành Việt Nam (chỉ có ở miền Nam Việt Nam) tổ chức Đại hội nhiệm kỳ III (2009 - 2011), bầu Ban Đại diện gồm 3 mục sư. Ngoài ra Tổng Liên hội Hội

Bảng 24.7: Đạo Tin Lành trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

STT	Thành phố/ Huyện	Cơ sở tôn giáo	Chức sắc		Số tín đồ		
			Nam	Nữ	Kinh	Khmer	Hoa
1	Thành phố Sóc Trăng	1	1		821	570	10
2	Châu Thành						
3	Mỹ Xuyên						
4	Mỹ Tú						
5	Thạnh Trị						
6	Long Phú	2	2		997	20	
7	Vĩnh Châu	1	1		185	50	15
8	Kế Sách	3	3		1.017	10	
9	Cù Lao Dung						
10	Ngã Năm						
Tổng cộng:		**7**	**7**		**3.020**	**650**	**25**

Nguồn: Ban Tôn giáo tỉnh Sóc Trăng, 31-12-2009.

Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) tại Sóc Trăng cũng thường xuyên có hoạt động tấn phong mục sư...

4. Đạo Cao Đài

Căn cứ vào bảng thống kê dưới đây của Ban Tôn giáo tỉnh Sóc Trăng, có 5 chi phái của đạo Cao Đài đang hoạt động, đó là các chi phái: Cao Đài Tây Ninh, Cao Đài Tiên Thiên, Cao Đài Minh Chơn, Cao Đài Ban Chỉnh, Cao Đài Thượng Đế. Trên toàn tỉnh gồm có 28 Thánh tịnh và 8.505 tín đồ chung của 5 chi phái. Trong số đó, Cao Đài Tiên Thiên có nhiều Thánh tịnh nhất (12 cơ sở) và số tín đồ đông nhất (3.637người), phát triển trên địa bàn khá rộng (thành phố Sóc Trăng, Kế Sách, Châu Thành, Mỹ Tú, Long Phú), tiếp đó là chi phái Cao Đài Tây Ninh với 9 Thánh tịnh, 3.273 tín đồ và hoạt động trên địa bàn thành phố Sóc Trăng, Thạnh Trị, Kế Sách, Long Phú. Chi phái Cao Đài Minh Chơn Lý sinh hoạt đạo chủ yếu tại các huyện Mỹ Xuyên, Thạnh Trị, Ngã Năm với 4 thánh tịnh và 1.279 tín đồ. Riêng chi phái Ban Chỉnh Đạo chỉ có tại huyện Cù Lao Dung, gồm 2 Thánh tịnh và 236 tín đồ, còn chi phái Cao Đài Thượng Đế hoạt động chủ yếu tại huyện Kế Sách, trong 1 Thánh tịnh duy nhất với 80 tín đồ.

Các chi phái Cao Đài ở Sóc Trăng đều có Ban Đại diện và hoạt động từ thiện tích cực. Chi phái Cao Đài Tây

Bảng 24.8: Đạo Cao Đài trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

STT	Các chi phái	Thành phố Sóc Trăng và các huyện	Cơ sở thờ tự	Chức sắc			Chức việc	Tín đồ
				Giáo sư	Giáo hữu	Lễ sanh		
1	Cao Đài Tây Ninh	Thành phố Sóc Trăng, Thạnh Trị, Kế Sách, Long Phú	09		03	19	133	3.273
2	Cao Đài Tiên Thiên	Thành phố Sóc Trăng, Kế Sách, Châu Thành, Mỹ Tú, Long Phú	12	14	51	114	170	3.637
3	Minh Chơn Lý	Mỹ Xuyên, Thạnh Trị, Ngã Năm	04		04	42	87	1.279
4	Ban Chỉnh Đạo	Chỉ có tại Cù lao Dung	02			15	19	236
5	Thượng Đế	Chỉ có tại Kế Sách	01			04	09	80
Tổng cộng:			***28***	***14***	***58***	***194***	***418***	***8.505***

Nguồn: Ban Tôn giáo tỉnh Sóc Trăng, 31-12-2009.

Tổng hợp: Phan Thị Yến Tuyết

Ninh tổ chức khởi công xây dựng thánh tịnh tại xã Đại Ngãi, huyện Long Phú và Điện thờ Phật Mẫu tại thành phố Sóc Trăng. Chi phái Cao Đài Tiên Thiên hoàn thành xong Phòng Truyền thống và đang xây dựng lại thánh tịnh Đài Ngọc Hoa. Chi phái Cao Đài Minh Chơn đạo cũng đang thực hiện kế hoạch xây dựng cơ sở di tích lịch sử Thánh tịnh Minh Tiên.

5. Tịnh Độ Cư Sĩ

Tịnh Độ Cư Sĩ Phật Hội Việt Nam được Đức Tông Sư Minh Trí khai sáng vào khoảng năm 1934 ở Nam Bộ. Ông đề xướng Phước Huệ Song Tu, trong đó pháp môn Tịnh Độ là căn bản. Ông cũng chủ trương thành lập Ban Y tế Phước Thiện, Ban Đạo đức trong đạo. Cho đến nay, trên toàn Nam Bộ có khoảng 205 ngôi chùa. Chùa nào cũng đều xây dựng phòng thuốc nam miễn phí bên cạnh do các y sinh (cư sĩ hoặc các tăng, ni đã được đào tạo) đảm trách. Đạo kỳ gồm chữ Nhất màu đỏ, tượng trưng cho sự dũng mãnh, đặt trên nền vàng, màu áo cà sa của Đức Thích Ca Mâu Ni. Cờ có hai đuôi nhọn, tượng trưng cho tu Phước và tu Huệ. Hoạt động của Tịnh Độ Cư Sĩ là tất cả các ngôi chùa đều có các vị tăng, ni xuất gia trụ trì, nhưng cốt lõi vẫn là các *cư sĩ tại gia*, tham gia y tế phước thiện, sưu tầm dược thảo, sắc thuốc, phơi thuốc, hốt thuốc, châm cứu, phục vụ miễn phí. Ban Trị sự Tỉnh hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam tỉnh Sóc Trăng đã được chính thức thành lập, gồm 11 vị. Cơ sở chính của Ban Trị sự đặt tại thành phố Sóc Trăng. Một số cơ sở xây dựng lại mới như ở thành phố Sóc Trăng, huyện Mỹ Xuyên, Trần Đề, Kế Sách.

Số tín đồ của Tịnh Độ Cư Sĩ tại Sóc Trăng khá đông, gồm 48.633 người, trong đó có 45 chức sắc và 170 chức việc. Tổng số chùa có 15 cơ sở và 3 cơ sở khác. Tín đồ đông nhất ở huyện Mỹ Xuyên (9.584 người), Vĩnh Châu (9.354 người) và Long Phú (9.698 người), kế đó là thành phố Sóc Trăng (7.357 người), huyện Kế Sách (6.584 người). Số tín đồ thấp nhất là ở huyện Mỹ Tú (30 người).

6. Một số tôn giáo khác

Cho đến nay, tại Sóc Trăng còn có một số tôn giáo khác, nhưng phạm vi hoạt động đạo chưa phổ biến.

- Đạo Hòa Hảo

Theo thống kê của Ban Tôn giáo tỉnh Sóc Trăng thì số tín đồ Hòa Hảo hầu như chỉ tập trung tại huyện Kế Sách, không có cơ sở thờ tự, chỉ có 975 tín đồ và 10 chức việc. Ban Trị sự Phật giáo Hòa Hảo tỉnh cũng đã thành lập và đang xin thành lập Ban Trị sự ở một số xã của huyện Kế Sách, Long Phú.

- Minh Nguyệt Cư sĩ Lâm

Minh Nguyệt Cư sĩ Lâm là tôn giáo theo đạo Phật nhưng thuộc hệ phái cư sĩ tu tại gia, lấy tu tại tâm là chính yếu. Tôn giáo này do người Hoa di dân truyền vào Nam Bộ và hầu hết chỉ gồm tín đồ người Hoa. Sóc Trăng là tỉnh có cộng đồng người Hoa cư trú lâu đời nên cũng phổ biến tôn giáo

Bàn thờ Đức Tông sư Minh Trí

Ảnh: Yến Tuyết

Một cơ sở của Tịnh Độ Cư Sĩ tại Sóc Trăng

Ảnh: Yến Tuyết

này. Minh Nguyệt Cư sĩ Lâm tại thành phố Sóc Trăng giữ mối quan hệ chặt chẽ với Minh Nguyệt Cư sĩ Lâm ở Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh khác ở Nam Bộ. Hoạt động này có ở Sóc Trăng trước tiên, sau đó tỉnh Bạc Liêu, Cà Mau, Cần Thơ, Sa Đéc lần lượt thành lập, gồm 5 chi nhánh. Cơ sở Minh Nguyệt Cư sĩ Lâm tại Sóc Trăng chủ yếu thờ Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, ngoài ra đồng phối tự các vị sau:

+ Tế Viên;

+ Huỳnh Trung Tử (trong Bát tiên);

+ Lữ Đồng Tân.

Lịch cúng tế hằng năm của Minh Nguyệt Cư sĩ Lâm như sau:

+ Vía Phật Thích Ca (tháng 4);

+ Lễ cầu an Quán Thế Âm Bồ Tát (15 tháng giêng);

+ Lễ cầu siêu cho vong hồn (từ ngày 12 đến 15 tháng 7).

Cơ sở tôn giáo này thường làm công tác từ thiện như tặng áo quan cho nhà nghèo, vô gia cư, hỗ trợ nhà tình thương, nhà tình nghĩa, góp quỹ ủng hộ người nghèo, Hội Người mù … trong tỉnh.

Trụ sở của Minh Nguyệt Cư sĩ Lâm ngoài chức năng hoạt động tôn giáo, còn là nơi sinh hoạt cộng đồng của những người Hoa trong vùng, là nơi thờ phượng (phụng - *BT*) những vị tổ tiên người Hoa xa xưa.

- Đạo Ba Ha'i

Ở Sóc Trăng tôn giáo này chỉ có khoảng 77 tín đồ, chủ yếu ở xã Thạnh Quới, huyện Mỹ Xuyên và thị trấn Phú Lộc, huyện Thạnh Trị. Lãnh đạo tôn giáo này tại Sóc Trăng có Hội đồng tinh thần Ba Ha'i.

- Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương

Tại Sóc Trăng, số tín đồ của tôn giáo này rất ít, chỉ có khoảng 50 người.

- Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa

Theo số liệu của Ban Tôn giáo tỉnh Sóc Trăng, số tín đồ của tôn giáo này có 350 người, chủ yếu tại huyện Kế Sách (có 2 cơ sở tôn giáo với 245 tín đồ) và huyện Mỹ Tú (có 1 cơ sở tôn giáo với 105 người).

Tóm lại, do đặc trưng Sóc Trăng là một tỉnh đa dân tộc do đó cũng đa tôn giáo, đặc biệt là cộng đồng người Khmer đông nên Phật giáo Theravada nổi trội, ngoài ra do một bộ phận người Khmer là tín đồ Công giáo nên đã hình thành sắc thái tôn giáo đa dạng, đặc thù tại vùng này.

III. LỄ HỘI

Vùng Nam Bộ nói chung và Sóc Trăng nói riêng, các cộng đồng dân tộc Kinh, Khmer, Hoa có nhiều lễ hội, nhìn chung sắc thái lễ hội của các dân tộc mang dấu ấn của lễ nghi nông nghiệp. Dưới đây là sơ nét một vài lễ hội đặc trưng của các dân tộc tại Sóc Trăng.

1. Lễ hội của người Kinh

1.1. Lễ Kỳ yên

Đối với người Kinh, thần Thành Hoàng thờ tự trong đình là vị Phúc thần, Thổ thần có khả năng làm được "phong điều vũ thuận, quốc thái dân an" và việc cúng tế trong đình là thực

hiện đạo lý "uống nước nhớ nguồn", trong đó bao hàm cả nhớ ơn những vị anh hùng dân tộc, nhớ ơn các vị "*tiền hiền khai khẩn, hậu hiền khai cơ*" cho làng xã mà họ đang sinh sống. Tâm lý của người Kinh ở Nam Bộ khi lập được làng, kế đó xây dựng được đình thì họ sẽ không còn mặc cảm mình là lưu dân nữa, vì họ đã khẳng định được công sức, mồ hôi, nước mắt và xương máu của mình đã đổ xuống trên vùng đất này.

Thần *Thành Hoàng Bổn Cảnh* thờ trong đình của người Kinh ở Nam Bộ chỉ là biểu tượng chung. Tuy nhiên do những điều kiện lịch sử, xã hội, có đình thờ thần Thành Hoàng là *Nhiên thần*, như *Nam Hải Cự tộc Ngọc lân tôn thần* (Cá Ông), hoặc *Nhân thần*, tức những người sinh thời có công trạng với làng xã, đất nước, khi qua đời được nhân dân thờ, như Nguyễn Trung Trực được 8/13 xã của huyện Kế Sách thờ, hoặc Chánh lãnh binh Trần Văn Hòa và phó quan là Võ Đình Sâm, hai võ tướng đời Tự Đức đã hi sinh vì đất nước chống phiến loạn ở vùng Bãi Xàu được thờ trong đình Khánh Hưng (thành phố Sóc Trăng), đình Mỹ Xuyên (ấp Chợ Cũ, Mỹ Xuyên)… Hệ thống thờ trong chánh tẩm của đình gồm thần Thành Hoàng (thờ chánh), chỉ tượng trưng một chữ Thần bằng Hán tự. Hai bên bàn thờ Thần là Tả ban, Hữu ban, Tiền hiền, Hậu hiền.

Lễ Kỳ yên không có một ngày chung mà mỗi đình mỗi ngày khác nhau, nhưng tựu chung thường vào khoảng tháng giêng đến tháng ba âm lịch. Nghi thức lễ Kỳ yên ở đình chủ yếu theo mô hình giống nhau:

- *Nghi thức túc yết*: Kiểm soát lễ vật cúng tinh khiết (lau mặt trống, chiêng, dâng hương, nước, rượu, trà, hoa quả).

- *Nghi thức đàn cả*: Giống túc yết nhưng thêm nghi thức "ẩm phước" (dâng hương, rượu, trà). Cúng cầu siêu cho anh hùng liệt sĩ vị quốc vong thân, cúng Tiền vãng (Tiền hiền, Hậu hiền).

- *Nghi thức xây chầu đại bội*: Trong lễ cầu an, người ta dâng cúng cho thần 1 chầu hát bội nên phải có nghi thức xây chầu để cầu cho buổi diễn được thành công và cầu bình an cho làng xóm (xây chầu đại bội gồm 5 đoạn diễn trên sân khấu biểu tượng cho sự vận chuyển trong vũ trụ. Lưỡng nghi sinh tam tài - tam tài sinh tứ tượng - tứ tượng sinh ngũ hành - ngũ hành sinh bát quái).

Thái cực: Ông Bàn cổ, cầm nhang vái 4 phía (ý nghĩa thái cực đang vận hành);

+ Lưỡng nghi: Khai thiên thông địa - âm dương xang nhật nguyệt (tương hợp);

+ Tam tài: Phước lộc thọ hát câu chúc phúc;

+ Tứ tượng: Tứ thiên vương múa, giương 4 câu liễn chúc phúc;

+ Ngũ hành: 1 nam già, 4 nữ trẻ hát những cầu bài quốc thái dân an;

+ Bát quái: Bát tiên hiến thọ.

- *Nghi thức hồi chầu*: Kết thúc cuộc lễ.

Như vậy lễ Kỳ yên có hiệu ứng củng cố tình cảm cộng đồng, quê hương, đề cao công ơn các vị anh hùng, tiền hiền, hậu hiền có công với làng nước, có tác dụng "uống nước nhớ nguồn", giáo dục thế hệ trẻ ý thức về lịch sử, tôn kính tiền nhân, những người mở đất, khẩn hoang Nam Bộ

1.2. Lễ hội Nghinh Ông

Vùng biển của Sóc Trăng có hai lăng thờ Cá Ông tại hai huyện Vĩnh Châu và Long Phú. Lễ hội Nghinh Ông ở làng cá Kinh Ba, Trần Đề được tổ chức vào ngày 20 tháng 2 âm lịch hằng năm. Về nguồn gốc, tục thờ cá Ông vốn do những lưu dân người Kinh ảnh hưởng từ tín ngưỡng dân gian của dân tộc Chăm và tục thờ cúng Cá Ông chỉ phổ biến ở các địa phương ven biển Việt Nam từ Đèo Ngang trở vào trong Nam Bộ. Về mặt sinh học, Cá Ông (cá voi) thở bằng phổi, nên từ 30 đến 50 phút cá phải nổi lên mặt nước để thở. Vào mùa mưa bão, cá Voi tìm đến tàu thuyền để dựa, đỡ và cũng muốn tìm vào vùng biển lặng, có thể chính vì vậy mà người ta cho rằng cá voi cứu những tàu thuyền đắm trong bão tố và đưa vào bờ. Đối với niềm tin của ngư dân Nam Bộ, cá Voi được xem là linh thần chuyên cứu người và tàu thuyền khi bị đắm, đồng thời cũng giúp ngư dân đăng lưới đánh cá thuận lợi. Qua tước phong của các vị vua Triều Nguyễn, đến đời Tự Đức, Cá Ông mới được phong mỹ tự đầy đủ là *Nam Hải Cự tộc Ngọc lân tôn thần*[1]. Chính vì niềm tin Cá Ông như thần linh và do Cá Ông được Triều đình phong thần nên nghi thức người Kinh thờ cúng Cá Ông cũng trang trọng tương tự như cúng thần Thành Hoàng trong đình. Hiện nay trong lăng thờ Cá Ông ở làng cá Kinh Ba người dân vẫn lưu giữ, thờ cúng hai bộ ngọc cốt của hai Cá Ông trước kia đã "lụy" tại nơi này.

Lễ hội Nghinh Ông tại làng cá Trần Đề mở đầu là nghi thức rước kiệu ông ra biển, ngư dân chuẩn bị sẵn một chiếc tàu lớn, trang trí như thuyền rồng, gồm đủ kiệu, cờ, lọng, vật cúng tế. Phò kiệu của ông cũng gồm các lễ sanh. Ghe tàu của ngư dân trong vùng cũng như các nơi khác về đậu kín và nhiều ghe tàu trang hoàng, bày lễ vật nơi mũi tàu để tạ ông, bày tỏ lòng thành kính của những người đi biển. Tham gia đoàn rước có đến hàng trăm con tàu, dẫn đầu đoàn tàu là "thuyền rồng" rước Kiệu Ông. Trên thuyền rồng, các nghệ sĩ trong trang phục võ tướng, đánh trống, thao quyền, múa quyền sôi động. Trong lúc đó, các vị hương thân, bô lão cúng kiếng, khấn xin Ông độ trì cho ngư dân mùa biển sung túc, bình yên. Sau khi tiến hành "xin keo", cúng tế Ông xong, đoàn ghe tàu quay về bờ để cung thỉnh Ông trở lại lăng và tiếp tục tiến hành các nghi lễ cúng bái[2].

---

1. Xem: Trịnh Hoài Đức: *Gia Định Thành thông chí*, Dịch giả Dương Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tình, Nxb. Giáo dục, 1998.

2. Phương Quang - SocTrangOnline: http://web.soctrang.gov.vn, *"Lễ Nghinh Ông ở làng cá Kinh Ba, Trần Đề"*.

Bên cạnh lăng Ông của ngư dân làng cá Kinh Ba, Trần Đề là miễu (miếu) thờ bà Thiên Hậu của người Hoa. Do Bà Thiên Hậu là nữ thần biển, người dân Kinh cũng sùng kính Bà nên vào dịp Lễ hội Nghinh Ông tại đây, mọi người tham dự lễ hội cũng tiến hành cúng viếng miếu Bà thành kính để cầu xin được Bà độ trì, che chở. Qua việc cúng lễ cùng một lúc cả hai vị thần biển uy danh, ngư dân càng thêm niềm tin mạnh mẽ về sự an bình trong cuộc mưu sinh trên biển. Chính hiện tượng tín ngưỡng này đã thể hiện sắc thái văn hóa biển khá đậm nét, đa dạng và độc đáo của lễ hội Nghinh Ông ở Sóc Trăng so với những nơi khác.

2. Lễ hội của người Hoa

1.2. Tết Thanh minh (tháng 3 âm lịch)

Người Hoa có tục "cúng mả", tảo mộ dịp lễ Thanh minh vào tháng 3 âm lịch.

Người Hoa Triều Châu ở Sóc Trăng có tục "lợp nhà mới" cho mộ vào tiết Thanh minh, đó là những mảnh giấy trắng được dán đắp khắp ngôi mộ (trường hợp mộ mới, vừa an táng trong năm) hoặc giấy ngũ sắc trên những ngôi mộ lâu năm. Do đó vào dịp lễ Thanh minh, nếu đến viếng nghĩa trang của người Hoa hay người Kinh, người Khmer ở Sóc Trăng cũng đều thấy hiện tượng "lợp mái nhà" cho mộ. Đặc biệt là người Khmer, tuy đặt cốt trong

Cúng tảo mộ trong lễ Thanh minh

Ảnh: Yến Tuyết

"chet đây" cũng ảnh hưởng người Hoa tục "lợp nhà mới" cho tháp, dán những mảnh giấy nhỏ ngũ sắc khắp "chet đây" và cũng bày cơm, thức ăn, trái cây ngay trước tháp để cúng rồi cùng nhau ăn bữa cơm cộng cảm với người quá vãng như người Kinh và người Hoa. Đến Sóc Trăng vào dịp lễ Thanh minh người ta sẽ cảm nhận được bầu không khí sôi nổi nhộn nhịp của những người đi tảo mộ. Ngay cả không khí của các chợ cũng khác hẳn ngày thường, người ta bày bán đủ loại thức cúng, bánh trái để phục vụ cho dịp lễ Thanh minh. Nghĩa trang Triều Châu trên đường Lương Định Của ở thành phố Sóc Trăng, vào dịp lễ Thanh minh hàng hàng, lớp lớp các ngôi mộ lớn nhỏ được gắn giấy ngũ sắc bay lất phất, thể hiện tấm lòng hiếu thảo, quan tâm sâu sắc của con cháu đối với ông bà, cha mẹ, thân nhân quá cố.

2.2. Lễ hội cúng cô hồn - Lễ Vu Lan bồn

Hằng năm vào tháng 7 âm lịch, Vu Lan thắng hội được tổ chức tại các chùa Phật của người Kinh và các miếu của người Hoa. Trong tháng này theo quan niệm dân gian, địa ngục mở cửa nên các linh hồn lên trần gian đi lang thang, đói lạnh, do đó các gia đình người Kinh và người Hoa đều cúng cô hồn, đồng thời các chùa Phật đều tổ chức lễ cầu siêu cho các cô hồn được siêu thoát và cầu an cho người sống được yên ổn.

Người Hoa rất quan tâm cúng tế vào dịp tháng 7 âm lịch. Các miếu của người Hoa ở Sóc Trăng tổ chức lễ hội cúng cô hồn và chẩn tế cho người nghèo. Hằng năm vào rằm tháng 7 âm lịch, miếu Bà Thiên Hậu ở xã Vĩnh Hải đều tổ chức cúng lớn. Từ 4 giờ chiều ngày 14-7 âm lịch, Ban Quản trị miếu đón thầy cúng (người Kinh) đến miếu tụng kinh và cùng đi với Ban Quản trị thỉnh vong cô hồn từ ngã ba Lạc Hòa ra biển rồi vòng về miếu, có nghĩa là người ta đi rước vong cả cô hồn đường sông lẫn cô hồn đường biển. Dân địa phương tháp tùng theo đám rước rất đông. Trở về miếu, thầy cúng tụng kinh đến 12 giờ khuya, mời chư vị cô hồn các đảng về miếu để nhận lễ cúng thí thực. Vào khoảng 8 giờ tối, "Ông Bổn xóm"[1] đến miếu để "nhập đồng", thỉnh "thần linh" giờ cúng cho ngày hôm sau. "Ông Bổn xóm" lên đồng tên Trần Nhượng, 70 tuổi, người Hoa, ngụ tại xóm miếu của ấp Âu Thọ B. Ông làm "Ông Bổn xóm" ở đây khá lâu, năm nào cũng tự nguyện đến cúng và nhập đồng ở miếu Bà Thiên Hậu tại chợ Lạc Hòa và ở xã Vĩnh Hải như bổn phận chứ không cần mời.

Đến 7 giờ sáng ngày 15-7 âm lịch, Ban Quản trị cùng người trong miếu đem đồ thí giàn ra cúng ở sân miếu. Thức cúng xếp theo từng loại bày đầy tràn trên sân, gồm dừa tươi, mía, khoai môn, khoai lang, khoai mì, bưởi, cam, quýt, rau muống… Những món khác được đặt trên những cái "đụn" bằng tre đan (hình chóp, đầu dưới to, ở trên tóp lại) như thịt heo, thuốc lá, bánh kẹo, mì gói, tiền… Riêng gạo thì đựng từng bao 10kg.

1. "Ông Bổn" là người có khả năng nhập "đồng", làm trung gian giữa "thần linh" và con người theo tín ngưỡng của cộng đồng người Hoa tại địa phương.

Thẻ gỗ để nhận được quà (cúng cô hồn tháng 7) tại Vĩnh Châu

Ảnh: Yến Tuyết

"Ông Bổn" cúng ở bàn thờ trong miếu xong là "nhập đồng" trong trang phục như võ tướng, ông cầm cây que nhọn bằng bạc xiên từ má bên phải qua má bên trái, nhảy múa theo tiếng chập chỏa, kèn trống phụ họa. Ông đi xem xét thức cúng bằng dáng điệu oai vệ, ném bỏ ra ngoài những thực phẩm mà ông cho là ô uế (không hiểu vì sao ông loại bỏ cây mía nào thì khi chẻ đều bị sâu, những quả dừa bị ông loại ra khi chặt đều bị hư bên trong). Ông Bổn "nhập đồng " đến 3 nhân vật, trong đó có Quan Thánh Đế Quân, oai vệ với thanh long đao, trèo lên đài cao trước chùa múa đao tứ phía. Sau đó ông Bổn nhân danh thần linh trở vào chùa đóng ấn mực đỏ lên chồng giấy để phát cho dân hưởng phúc.

Tại một khoảng ruộng trống, người dân tụ tập rất đông để đợi "xô giàn". Ban Quản trị miếu chuẩn bị sẵn một cái đài cao bằng gỗ, trên đó 2 thanh niên đứng bốc từng nắm thẻ gỗ đựng trong giỏ bàng và quăng xuống cho người dân lượm. Thẻ bằng gỗ, nhỏ bằng ngón tay, trên ghi tên các món "xô giàn", ai bắt được thẻ có chữ gì thì cầm đến miếu lãnh. Hàng nghìn người trong đó chủ yếu nam giới tranh nhau giành giật những thẻ. Người nào cũng mồ hôi nhễ nhại, quần áo lấm láp bùn sình. Theo lời Ban Quản trị miếu thì dân ở xã Vĩnh Hải (gồm người Kinh và Hoa) từ xưa tới nay đều tin rằng nếu không tổ chức thí giàn cô hồn thì trong làng xã sẽ xảy ra nhiều chuyện rủi ro, do đó năm nào cũng phải tổ chức.

3. Lễ hội của người Khmer

3.1. Pithi Chôl Chnăm Thmây (Lễ vào năm mới)

Lễ hội Chôl Chnăm Thmây thường diễn ra trong 3 ngày vào giữa tháng 4 dương lịch.

Dâng cơm ngày lễ "Vào năm mới" tại Vĩnh Châu

Ảnh: Yến Tuyết

Nghi thức tắm ông bà, cha mẹ tại Vĩnh Châu

Ảnh: Yến Tuyết

Người dân trong vùng đến chùa sớm, cùng nhau đi diễu 3 vòng quanh chính điện theo nghi thức Maha Săng K'ran, có nghĩa là "bước sang" hay "bước vào" năm mới. Truyền thuyết về tập tục năm cũ bước sang năm mới được giải thích bằng câu chuyện vị Phạm Thiên vì thua chàng Thommabal nên phải tự cắt đầu mình đưa cho 7 con gái. Hằng năm đến chu kỳ Săng K'ran, 7 cô gái thay nhau cung thỉnh thủ cấp của cha đi vòng quanh núi. Do truyền thuyết này mà người Khmer làm nghi lễ "đón chư thiên mới".

Lễ vật cúng dường xếp trên bàn vọng thiên 7 tầng. Sau đó tín đồ, Phật tử tụng kinh lễ bái Tam Bảo, cúng dường chư thiên và sư sãi. Nhiều nơi con cháu tập trung lại nhà của ông bà, cha mẹ tổ chức nghi lễ "tắm", dâng y phục mới và mời cơm ông bà, cha mẹ để báo hiếu và để được phúc.

Cư dân tập trung ở chùa thực hiện các nghi thức "Đắp núi cát". Tập tục này chỉ diễn ra trong ba trường hợp:

+ Đắp núi cát trong sân chùa vào dịp lễ Chôl Chnăm Thmây.

+ Đắp núi cát ở sân trước nhà vào lễ chúc thọ ông bà, cha mẹ.

+ Đắp núi cát tại nhà khi trong gia đình có người bệnh nặng.

Đắp xong mời các sư đến đọc kinh "Khoanh vùng núi cát", sau đó gọi là "Bảo tháp" với mục đích ngăn ngừa ma quỷ trấn áp người bệnh hay nhà cửa, làng xóm. Trong kinh Phật giảng rõ về quả phước phát sinh do việc đắp núi cát, tắm tượng Phật, tắm cho cha mẹ để báo hiếu. Người được con cháu tắm sẽ tăng phước, tất cả mọi sự khổ não, buồn phiền, bệnh tật và mọi điều tai hại sẽ tiêu tan[1]. Mang cơm đến chùa cúng dường chư tăng trong dịp Chôl Chnăm Thmây, tín đồ muốn biểu hiện sự no đủ, dư dả của cá nhân lẫn cộng đồng. Về nghi thức "đắp núi cát" ngoài ý nghĩa tích phước, giải trừ tà ma, nghi thức này còn là lễ nghi nông nghiệp, đắp núi cát tượng trưng cho núi để giữ mây lại để tạo ra mưa, nhờ đó người dân mới có nước làm ruộng. Các vị sư làm nghi thức "băng sucôl", tập trung đọc kinh cầu siêu tại các tháp đựng cốt để giúp cho các linh hồn được siêu thoát.

3.2. Bon sen Đôn Ta (lễ cúng ông bà) và lễ Phchum bân (Đặt cơm vắt)

Sau lễ Vu Lan 1 tháng, vào rằm tháng 8 âm lịch, người Khmer tổ chức *lễ Đôn Ta (lễ cúng ông bà)* và tiếp theo cùng thời gian đó là *lễ Phchum bân* tức lễ đặt cơm vắt trong khoảng 15 ngày, từ rằm tháng 8 đến cuối tháng 8 âm lịch. Hai lễ này thường dễ tưởng là một, nhưng nếu phân tích tính chất thì lễ Đôn Ta mang tính dân gian, còn lễ Phchum bân mang sắc thái Phật giáo. Hiện nay hai lễ này được gộp chung và tổ chức vào rằm tháng 8 âm lịch vì cả hai lễ hội đều nhằm các mục đích giống nhau:

- Nhớ đến công ơn và báo hiếu với ông bà cha mẹ. Tập trung con cháu để biếu tặng đồ đạc thường dùng cho ông bà cha mẹ còn sống và làm lễ cầu phước cho những người quá vãng;

1. Nguyễn Hữu Nghiệp: *Tết cổ truyền của dân tộc Khmer*, (bản viết tay), 2004.

- Dịp thể hiện lòng thương xót những người nghèo và các cô hồn đói lạnh;

- Lễ hội nhằm gắn kết những người trong phum, sóc.

Trong chùa Khmer vào mùa lễ *Đôn Ta* thường có những đàn *chim đôn ta* bay về hót líu ríu dưới mái chính điện và tìm nhặt mổ những hạt gạo hay thức cúng mà tín đồ đặt quanh tường bên ngoài chánh điện. Loại *chim đôn ta* này màu hơi vàng nâu, nửa giống chim én ở chiếc đuôi hơi dài, nửa giống chim sẻ. Đàn chim đến rất sớm, sau lễ *Đôn Ta* lại bay đi. Người Khmer vào chùa mời linh hồn ông bà cha mẹ về thăm nhà. Trong lễ Đôn Ta phải có nghi thức "bai banh", người Khmer nấu nếp và gạo xong vắt thành từng miếng cơm hoặc xôi hình tròn và dẹp đem đặt nơi cổng chùa dành tặng cho người nghèo, nhưng chủ yếu cơm vắt được đưa vào chùa cúng "bai bánh" nơi các tháp cốt (chet đay) trong khuôn viên chùa để cúng mời các cô hồn đói lạnh, lang thang nhằm tạo phước cho họ, vì mỗi năm họ chỉ được thoát khỏi địa ngục trong thời điểm này. Dịp lễ này tín đồ Phật tử người Khmer vào chùa cùng quý vị sư sãi đọc kinh cầu siêu để cầu phước cho các linh hồn.

3.3. Óoc Ombóc - Lễ hội cúng trăng

Lễ hội Óoc Ombóc diễn ra vào rằm tháng 10 theo lịch Khmer (trùng với ngày rằm tháng 10 âm lịch). Óoc Ombóc quan trọng đối với người nông dân Khmer vì đây là lễ hội tiễn mùa mưa cùng với ý nghĩa *chào tạ ơn mặt trăng,* một vị thần theo quan niệm của người Khmer có vai trò quan trọng liên quan đến thời tiết, mưa gió. Do *cúng trăng mừng lúa chín đầu mùa* nên người Khmer còn gọi lễ hội này là *Bon sâm peah preah khe*, còn khi gọi là Óoc Ombóc chính vì có nghi thức *Đút cốm dẹp*. Óoc Ombóc xuất xứ do *Oóc* là *đút vào đầy miệng* và Ombóc là *cốm dẹp*, như vậy Óoc Ombóc là *lễ hội Đút cốm dẹp* và đút cốm dẹp là một dạng biểu tượng trong tín ngưỡng cầu mong cuộc sống được no đủ, dư dả. Do liên quan đến tín ngưỡng về sông nước nên người Khmer thực hiện *nghi thức đua ghe ngo* trong Óoc Ombóc. *Ghe ngo (tuk ngor)* là loại thuyền độc mộc dài và thon, hình dạng như con rắn nước, là một loại ghe *thiêng* dành cho nghi lễ đua ghe trong lễ hội Óoc Ombóc. Do tính chất "thiêng" của việc đua ghe ngo nên mũi ghe treo bùa chú và trước khi đua người ta đều có những nghi thức cúng kiếng cho ghe. Sóc Trăng là tỉnh có nhiều ghe ngo đạt các thành tích xuất sắc trong những cuộc đua ghe tổ chức trong tỉnh hay toàn quốc như ghe ngo của chùa Tam Sóc, Tập Rèn, Chăm Pa, Xẻo Me, Ngan Dừa... Vào năm 1998 trong cuộc lễ đua ghe ngo của 3 nước Việt Nam, Campuchia, Lào do nước bạn Campuchia tổ chức để mừng 10 năm giải phóng Campuchia, đội ghe chùa Tam Sóc của tỉnh Sóc Trăng trong đoàn đại biểu Việt Nam đã đoạt giải nhất, vô địch "Đông Dương". Trước đây phụ nữ bị cấm kỵ không được tới gần ghe ngo, càng không có cơ hội làm tay dầm, nhưng từ năm 1992 đến nay đã xuất hiện các đội đua ghe ngo

Lễ Đua ghe ngo

Ảnh tư liệu

Đút cốm dẹp trong lễ hội Óoc Ombóc tại thành phố Sóc Trăng

Ảnh: Yến Tuyết

nữ của huyện Kế Sách, huyện Long Phú… Tỉnh Sóc Trăng có đông đồng bào Khmer sinh sống nhất tại Nam Bộ nên lễ hội Óoc Ombóc luôn thu hút đồng bào Khmer các địa phương khác nô nức về đây như là một tâm điểm. Do Sóc Trăng có nhiều sông rạch lớn nên việc tổ chức đua ghe ngo truyền thống thuận lợi hơn nhiều nơi khác, hơn nữa vào tháng 10 âm lịch, chỉ có ở Sóc Trăng mới có nếp sớm để giã cốm dẹp, trong khi nhiều nơi khác chưa có hoặc không làm, nên họ thường đến Sóc Trăng để mua cốm dẹp. Điều đó để hiểu vì sao Sóc Trăng từ lâu đã được cộng đồng người Khmer xem như là một "điểm hẹn" của lễ hội Óoc Ombóc. Óoc Ombóc thực chất là nghi lễ nông nghiệp với các nghi thức như thả đèn gió để làm trong sạch bầu trời, thả đèn nước để tạ lỗi với nguồn nước bị con người làm ô nhiễm.

3.4. Chrôirumchêk - Lễ hội Cầu an và Cúng phước biển của người Khmer

Ý nghĩa cốt lõi nhất của lễ hội Cúng phước biển (Chrôirumchêk) không hẳn là lễ hội cầu ngư của ngư dân mà là *lễ hội cầu an* của cộng đồng người Khmer sống dọc theo một vành đai ven biển Vĩnh Châu, là vùng biển có người Khmer sinh sống đông nhất và tập trung nhất của tỉnh Sóc Trăng nói riêng và Nam Bộ nói chung. Tên của lễ hội Cúng phước biển (Chrôirumchêk) bắt nguồn từ một từ của tiếng Khmer là *rumchêk,* đó là *dứa gai,* một loại thực vật mọc thành bụi to với những chiếc lá khá dài và to, hai bên rìa lá tủa gai nhọn. Ngoài ra, cách đây 200 năm Chrôirumchêk là tên một phum lớn có nhiều người Khmer sống bằng nghề rẫy và nghề chài lưới ven biển. Vùng bờ biển Vĩnh Châu trước đây hoang dã, đất bồi, mọc tràn ngập những bụi dứa gai, chính những gai nhọn trên lá này được người Khmer lấy làm biểu tượng cho việc trừ độc, trừ tà ma tại môi trường thiên nhiên mà họ đang sống. Người Khmer tại vùng biển Vĩnh Châu khi xuống biển thường bị *con nhện biển*, tiếng Khmer là con *tik al* (còn gọi là con *ping piêng)*, một loại nhện độc sống ở môi trường nước biển tại Vĩnh Châu. Con *tik al* là loại động vật có râu, thân mềm gần giống như con bạch tuộc, khi chạm vào nó hoặc tiếp xúc với nước biển có trộn lẫn chất độc của nó, người ta sẽ bị phỏng cháy da, đau nhức và da sẽ thành ghẻ lở, nhiễm trùng. Hằng năm khi biển êm, vào khoảng tháng 3, tháng 4 âm lịch, con *tik al* xuất hiện rất nhiều. Lễ hội Cúng phước biển của người Khmer Vĩnh Châu là một dạng lễ hội liên quan đến môi trường sinh thái có vật độc hại, gây tai họa cho người đi biển và cư dân sống vùng biển, đó là nguyên nhân chính của lễ hội cầu an của cư dân vùng biển Vĩnh Châu. Người Khmer không phải ngư dân đánh bắt cá chuyên nghiệp trên tàu thuyền như người Kinh mà họ chủ yếu chỉ đẩy xiệp và ngâm mình trực tiếp xuống nước biển ven bờ nên mới dễ bị nhiễm độc bởi nhện biển. Sống ở môi trường nào (đồng ruộng, rừng núi, biển cả…) người Khmer cũng sẽ cầu an cho cuộc sống của họ ở môi trường ấy, do đó, việc người Khmer cúng kiếng, tổ

Cành dứa gai (rumchêk) trong lễ hội Chrôirumchêk, Vĩnh Châu

Ảnh: Yến Tuyết

chức lễ hội Cúng phước biển thực chất cũng là một hình thức cầu an nơi môi trường sinh sống. Do vậy, trong lễ hội Cúng phước biển, người Khmer dùng cây dứa gai (rum chêk) là biểu tượng trấn áp chất độc chống lại tà ma *tik al,* cúng thần Têvôđa biển để trấn áp triều cường, cầu no ấm, sản xuất thuận lợi…

Lễ này được tổ chức vào ngày 14 và 15 tháng 2 (âm lịch) hằng năm. "Chrôirumchêk" ngày nay được hiểu là lễ hội Cúng phước biển, lễ hội này có ý nghĩa tạ ơn biển đã ban cho con người nguồn thực phẩm phong phú, cảm ơn thần biển phù hộ ngư dân thuận buồn xuôi gió, thu hoạch được nhiều hải sản và cũng nhằm tưởng niệm cầu siêu những người đi biển không trở về. Trước đây, có một nhà sư Khmer trong chùa là Tà Hu đã từng xây dựng một ngôi tháp (chet đây) trên giồng đất cao hướng ra biển, gần chùa Cà Săng, thuộc ấp ĐônChêk, xã Vĩnh Thuận để mọi người trong sóc ghi nhớ, đến thắp hương tưởng niệm người mất ngoài biển cả. Ông chọn ngày rằm tháng 2 âm lịch (tức rằm tháng 11 của người Khmer) để lập đàn, làm phước. Theo thời gian ngôi tháp xưa không còn nguyên vẹn nữa nhưng lễ hội Cúng phước biển vẫn lưu giữ gần địa điểm đó.

Nghi thức lễ diễn ra trong hai đêm, do sư cả chùa Cà Săng chủ trì:

- Đêm vào đám (Chôlbon): Sư cả thực hiện nghi thức cầu siêu cho các vong hồn tử nạn vì biển tại nơi chet đây dựng tượng trưng gần biển. Sau đó Phật tử cùng đọc kinh nguyện cầu cho

Mộ Cá Ông tại khuôn viên chùa Khmer ở Vĩnh Châu

Ảnh: Yến Tuyết

các vong hồn và xin phù hộ che chở cho người làm nghề biển và sinh sống gần biển được no đủ, bình an.

- Đêm cúng Phật (Bon song kum): Mọi người tề tựu trước tháp nghe sư cả thuyết pháp, tụng kinh nguyện xin cho thôn xóm bình yên và mùa rẫy, mùa cá đều dư dả. Tiếp theo Phật tử thực hiện nghi thức đắp núi cát (phnômksach) tích phước... Trong phần vui chơi có các trò chơi dân gian nhằm tái hiện cuộc sống đặc trưng của người dân Khmer ven biển, như các cô gái gánh nước tưới rẫy, các chàng trai vùng biển mô phỏng động tác đẩy xiệp và hoạt cảnh người đi cà kheo, đánh xe bò, đua ghe ngo trên cạn, múa đá gà… Người

dân cũng triển lãm các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng thu hoạch được tại địa phương như hành tím, củ cải sá pấu… Tại Sóc Trăng, người Khmer đã cư trú lâu đời ở vùng biển Vĩnh Châu nên đã thích nghi với nếp sống và môi trường sinh thái, ảnh hưởng phong tục thờ cúng cá voi của ngư dân người Kinh. Ở vùng biển Vĩnh Châu cũng tổ chức làm phước cầu nguyện, thậm chí trước một sân chùa Khmer ở Vĩnh Châu còn làm mô hình như mộ cá voi khi cá voi lụy, trôi dạt vào nơi đó.

Tóm lại, đời sống tín ngưỡng tôn giáo, lễ hội của các cộng đồng cư dân tại tỉnh Sóc Trăng thể hiện được sắc thái văn hóa đặc trưng của một vùng đất đa dân tộc, đa văn hóa, qua đó cho thấy tính thống nhất trong đa dạng do quá trình giao thoa văn hóa giữa các dân tộc rất rõ nét. Tâm thức khát vọng một cuộc sống bình an, no ấm của người dân Sóc Trăng luôn bộc lộ trong các nghi lễ, sinh hoạt của tín ngưỡng tôn giáo và trong không gian văn hóa của lễ hội.